

THƯ VIỆN HÀ NỘI



HVV 2833

書局文學叢書

Mai-Linh Xuát-thu Văn-học tùng-thu

越 南 文 學

VIỆT-NAM VĂN-HỌC

TẬP T' TẬT

Văn-h iới Lý

N AT-TÚ

Mai-Linh xuát-bàn

Ngô tát-Tô

VIỆT-NAM VĂN-HỌC

TẬP THỨ NHẤT

Văn-học đời Lý

HVVV 2833

Mai-Linh xuất-bàn

**CÙNG MỘT TÁC GIẢ
Mai-Linh xuất bản**

Tết đèn	(hết)
Phê bình nhỏ giáo	0\$30
Trần Trọng Kim	
Việc lèng	0.35
Thơ và Tình	0.30
Lều chông	1.95

Đường in

Việt nam văn học
Đường thi
Thi văn bình chung

Nói đầu

Lúc này mà giờ đến chuyện nghiên cứu
văn-học thật là một việc vu-khoát.

Tuy vậy, đối với hiện-tinh văn-học của
nước nhà, việc vu-khoát ấy có lẽ lại chính
là việc cẩn cõ.

Bây giờ thử hỏi: *Nước mình đã nên có
một cuốn sú Vănhọc hay chưa?*

Có lẽ cũng ít người muốn trả lời là chưa
nên có, nếu hỏi vào hàng đã có học thức.

Phải! chúng ta vẫn khoe nước mình là
nước văn hiến, khai hóa đã bốn nghìn năm,
nay đã gần nửa thế-kỷ hai mươi, vẫn chưa

có được cuốn sú Vă̄n-học, há châ̄ng là việc
đáng h̄ẹn của một dân-lộ̄c ?

Thé nh̄ưng, cuốn sú vă̄n-học không như
cuốn tiều-thuyết h̄ay cuốn thi-ea... chúng
ta mūn có lúc nào, nó s̄ẽ có ngay lúc ấy.
Đối với tình trạng nước ta ngày nay, soạn
được cuốn sú Vă̄n-học cho ra hồn, thật là
một việc khó khăn, không phải sức lực một
người, công phu vài bốn tháng, có thể làm
được như ý.

Tại sao vậy?

Các ngài hãy nghe những lời ông Lê
quý Đôn than thở trong mục « Nghé-vă̄n-
chí » của bộ « Đại-Việt thông sú ». Đối với
bộ Đại-Việt Thông sú, Nghé-vă̄n-chí là một
phản nhô. Thé mà trong lúc làm đến mục
đó, ông Lê-quý-Đôn đã phải kêu khàn, kêu
vãnh như vầy :

« Tôi đã từng đọc mấy tập Nghé-vă̄n-chí
của các đời Hán, Tùy, Đường, Tống, thấy
tên sách vở ghi ở trong đó, kè có hơn trăm
vạn cūon, giàu thịnh biêt chừng nào. Nhưng

sách vở ấy, ở kho chứa sách của các vua chúa cất-chứa cự-cù lè-chính, rồi ở nhà các sī-phu, thâu lượm tàng-chữ lại càng cẩn-thận, sự truyền bá của nó cũng rất rộng rãi, cho nên, dù có trải qua mấy phen binh lửa, cũng không tan-lạc bao nhiêu.

« Nước ta gọi là nước văn hiến, trên lùi các bậc đế vương, dưới đến kẻ thàn-thú, phàn nhiều đều có trút thuật. Vậy mà gom góp cả lại, chẳng qua độ hơn trăm pho, so với sách vở của Toul, chưa được bằng một phần mười. Sách cũ ít, mà sự chửa - cất lại rất sơ-sát; chỗ đẽ sách không có định-cục, quan coi sách không có chính viễn, những việc so-xét, sao-chép, phơi phóng, cất chửa, đều không có phép - lệ nào cả. Cho đến những kẻ học-hành, cũng chỉ mua chuộc thâu lượm các sách cũ nghiệp, đẽ hòng kiểm sự thi đỗ, hẽ thấy sách lạ đời trước không dính-liu đến văn-tự khoa cử, thì họ bỏ không thèm sao, hay có sao chẳng, họ cũng ghi chép qua loa, không thèm kiểm lại. Còn như những người thích chửa sách cũ,

thì lại ai để làm của riêng nấy, cõi dấu cho kín, không nói với ai. Vì vậy, tìm sách rất khó, mà khi tìm được, lại nhanh-holand những chỗ làm lẩn, thiếu sót, không biết dằng nào mà chừa. Đó là một việc mà những người có chút kiến thức đều phải phẫn-nán.

« Trong lúc nhà Trần còn thịnh, văn nhã rõ ràng, diễn-chương chẽ-độ rất dày đặc. Đến đời Nghệ-tôn, gặp giặc Chiêm-thành vào cướp, sách vở bị đốt, bị lấy gần hết. Sau đó, vừa mới thu thập được ít nhiều, lại đến ngay hời họ Hồ mất nước, tướng nhà Minh là Trương-Phụ lấy hết sách cõi, sách kim, đóng hộp đưa về Kim-lăng. Khi bản triều (chỉ vào nhà Lê) giáp yén giặc Minh, các nhà danh nho như các ông Nguyễn-Trãi, Lý-tử-Tấn, Phan-phu-Tiên đã cùng sưu tầm diễn-nhã, lượm nhặt sách vở tàn xót, nhưng vì trải qua một con binh lửa, cho nên mười phần chỉ thu lại được chừng bốn, năm phần. Kể đó, được vua Thánh-Tôn ưa thích kinh sử, đầu hiệu Quang-thuận, ngoài đã hạ chiếu tìm các dã-sử và thu truyền ký cõi kim của các tư-gia để

đem tâu dưng; giữa hiệu Hồng-Đức, ngoài lại
hợ chiếu tim những sách vở còn sót, đè cất
vào trong bí-các, người nào đem dưng các
sách kỵ bí đều được ban, thường rất hậu.
Từ đây các sách đời trước đã thấy xuất
hiện luôn-luôn. Đến hồi Trần-Cao làm loạn,
kinh-thành thất thủ, dân chúng tranh nhau
vào nơi cẩm sảnh, hôi cướp vòng lụa, sách
vở bỏ ủn đường cái. Qua đời nhà Mạc, tuy
đã thu thập, sao chép lại được đôi chút,
nhưng đến khi nhà nước lấy lại kinh sư,
thì biết bao sách vở lại bị thiêu cháy trong
ngọn lửa binh. Cả đến sách của các nhà sĩ
phu chúa-dề cũng ít có người giữ được.
Tan nát đến vậy, đáng tiếc biết chừng nào!

« Ngày nay, chẳng những các thư chiểu
sách sắc lệnh, tung ca thi thập, nghị luận
diễn chương trong hơn ba trăm năm của
hai đời Lý, Trần—có thể kể ra từng món—
đều bị tan mác đâu mất, mà đến cả bộ
« Thiên nam dại hạ tập » chép những ché
độ, luật lệ, văn hán, diễn cáo của bốn triều,
mười phần cũng chỉ còn độ một hai; lại

còn bao nhiêu văn-lộp của tiền-hiền trong cuốn « Trích-dictum thi-lộp » có ghi, bây giờ cũng chỉ còn được cái tên, không ai được biết nội dung ra sao ! Không-từ ngày xưa, tuy có phần nàn về nội văn-hiến của hai nước Kỷ, Tống không đủ, nhưng sự không đủ đó chỉ là diễn chương sách vở của đời đã xa, có dẫu đến rõ như ở bản-triều, bao nhiêu diễn chương sách vở từ đời trung-hưng về trước đều, theo hai đời Lý, Trần cùng thành ra vật không có ».

Coi những dấu tích tang thương của Lê tiên-sinh đã kề ra đó, chúng ta có thể nói rằng : Nếu cuốn văn học sử của mình khởi thảo trong thời Lê mat, công việc tìm kiếm tài-liệu cũng đã khó nhọc lắm rồi. Hưởng chí từ đó trở đi, trong khoảng gần hai trăm năm, lịch-sử nước nhà lại thêm biết bao nhiêu cuộc binh-hòa.

Đến những thành quách lâu dài kề ấy, nhiều chỗ ngày nay đã không còn biết dấu vết ở đâu, nữa là sách vở là vật dễ mục dễ nát, dễ bị tiêu hủy.

Nhưng cái nạn chiến-tranh ngày trước,
cũng chưa tai hại bằng nạn hàng lọng, lò
giấy ngày nay.

Hắn ai cũng biết tài-liệu của cuốn văn
học sử nước nhà từ đầu thế kỷ 20 về trước,
phần chính phải là chữ Hán, còn những
văn-chương chữ nôm và chữ quốc-ngữ,
chẳng qua chỉ là phần phụ.

Từ khi khoa cử bị bỏ, sách vở chữ Hán
với ta đã thành ra vật vô dụng, vì không
quan hệ đến sự học hành, giá trị của nó
không hơn những mảnh giấy lộn. Bất kỳ
vật gì, kể không dùng đến, dần dần sẽ bị
đào thải, đó là lẽ tất nhiên. Sách vở chữ
Hán bây giờ, không thể tránh khỏi luật đó.
Tôi đã từng thấy nhiều nhà vì tham tiền
heặc vì không muốn bán mất, cam tâm đem
những sách của cha ông *tích trữ đã bao
nhiều đời, gán cho bọn đồi sách bằng một
cái giá rất hạ. Thế rồi, bọn đồi sách đó lại
đem bán lại cho hàng lọng hay lò giấy để
làm giấy bồi lọng và bột chẽ giấy.

Từ lúc Hán-học bị bãi đến nay, đầu đuôi

mới độ ngoài hai chục năm, cái số sách vở
chữ Hán hóa ra lồng xanh, lồng vàng, giấy
moi, giấy phèn, không phải là ít. Hiện nay
tài liệu của cuốn Việt-Nam văn-học sử,
chúng ta có thè trong cagy nhiều nhất là
trường Bác-cô Viễn - đóng. Nhưng ở đây,
con số của cuối mục-lục, về sách An-nam,
mới được chứng hơn ba nghìn. Và trong
đó lại có lăn nhiều sách thuốc, sách địa-lý,
sách xem chán gà, và hương-trúc, giá phả
của các làng, các họ, nghĩa là những thứ
không giúp ích cho cuốn văn-học sử của ta.

Có nhiên ngoài trường Bác-cô cũng còn
có nhiều sách khác đáng quí. Nhưng nó tần
mác mồi nhà vài quyền, ai mà thu thập lại
được?

Vâ chăng, chữ Hán bày giờ dù không
đắc dụng, có ngày nó sẽ tiêu diệt—cái ngày
ấy cũng không xa gi.—Khi mà chữ Hán ở
ta không còn, thì những sách kia dù có
còn nữa, cũng là vô ích. Đã đến lúc đó, e
rằng sẽ có những kẻ vọc-vạch chữ Hán, công
nhiên đóng vai nghiên cứu văn-học chữ

Hắn dè vu oan cõ - nhán và đánh lừa hâu
nhân. Như vậy, cuốn văn-học sử của mình
còn ra trò gì?

Sách đã đáng có, công-việc sưu-tầm tài
liệu cho nó lại rất khó-khăn. Phải là người
có một sức học xứng-dáng, lại có thời giờ mà
làm và có tiền - bạc mà sống thì mới làm
được hoàn-toàn.

Bấy nhiêu điều-kiện, hiệt in ay tôi còn chưa
đủ, cố-nhiên là tôi không thể làm nổi.

Vậy tôi soạn ra bộ sách này, cốt dè giữ
lại ít nhiều tài liệu hỏng góp vào cuốn sách
mà chúng ta hiện đương cần có.

Đành rằng kiến văn của một người văn
có giới hạn, những tài liệu mà tôi lần lượt
trưng bày ra đây, không phải đã đủ để
làm cuốn văn-học sử nước nhà. Song biết
đến đâu, tôi sẽ cứ theo tài lực mà làm
đến đấy. Những tài liệu ấy dùng được hay
không, còn tùy ở sự lựa chọn của người
sau này.

Ngô-tất-Tổ.

VĂN - HỌC ĐỜI LÝ



Lời bàn chung

NHƯNG nhời ông Lê quý-Đôn than thở trong bài « nói đầu » đã có dẫn vào nếu đem nghiêm với tài liệu văn-học của đời Lý, càng thấy đáng lâm. Nhà Lý bên ta cũng ngang với triều nhà Tống bên Tàu. Ở Tàu hồi ấy, tư-tưởng học thuật đã cực phát đạt. Từ đó về trước, ngược qua mấy đời Ngũ-quý, Đường, Tùy, Lục-triều, Tần, Hán và Tần, cho đến nhà Chu, giảng giặc hơn một nghìn năm, sách vở của họ xuất hiện và còn giữ được không biết là mấy vạn bộ. Trong đó dù cả triết-lý, văn-chương, chính-trị, kinh-tế và nhiều môn khác, mà phần nhiều đều rất tường tận, tinh-vi. Ở mình thì thật quạnh hiu. Những bậc đại-nho túc-học như mấy ông Lê-quý-Đôn, Bùi-huy-Bích, Phạm-Dinh-Đỗ và Phan-huy-Chú, hết sức tìm tòi tra-cứu cũng chỉ thấy được ở quốc-sử mấy bài tản-

văn và ít bài văn-văn ở sách « Thiền-uyên tập anh » thế thôi. Đành rằng nước mình hồi đó, mới có được từ Hà-tinh trở ra, đất cát chỉ bằng nứa linh của Tầu, hơn nữa mình còn mượn chữ của họ mà làm sách vở, thì không thể nào mong được giàu thịnh bằng họ. Nhưng sao hai đằng chênh nhau nhiều quá, đem của mình đê cạnh của họ, khác gì cái bể với cái đục?

Vẫn biết điều đó chưa đủ làm cho chúng ta ngã lòng. Văn - bội một nước, trong ở tương lai vẫn nhiều hơn trong ở quá khứ. Song đến đời Lý là đầu thế kỷ mười một và cuối thế kỷ mười hai mà rường văn-học của mình hẫy còn lơ tho như vậy thì cuốn văn-học sử của mình sau này cũng không được tốt đẹp cho lắm.

Nhưng không phải sự-nghiệp trú-thuật của nhà Lý chỉ có bấy nhiêu.

Theo mục Nghệ văn - chí của sách « Đại-Việt thông - sử » và mục « văn - lịch - chí » của sách « Lịch-riều biến-trường », thì trong đời Lý còn có những thứ sách này

1 — *Ngọc diệp* một quyển, soạn trong năm thứ 17 biệu Thuận-thiên đời vua Thái-tô, không biết soạn-giả là ai.

2 — *Hình-thư*, ba quyển, do vua Thái-tôn sai tòa Trung-thư châm-chước sự nên chẳng có hồi đó mà làm, đã có bao khắp trong nước trong

sách chia nhiều môn loại, ngành ngon rất rành rọt.

3 — *Chư phật tích duyên*, không rõ là bao nhiêu quyển, do vua Nhân-tôn sai người thiền-sư tên là Bảo - Giác soạn ra, trong sách nói về sự tích các Phật.

4 — *Tăng-gia tạp-lục*, đúng năm chục quyển, cũng của thiền-sư Bảo-Giác, trong sách nói về các chuyện nhà chùa.

Những cuốn sách này đều bị thất-lạc từ lâu, hai tác-giả của hai pho sách trên kia đều không được thấy.

Trong sách « Kiến-văn-tiêu-lục », ông Lê-quý-Đôn còn nói những bài này nữa :

1 — Bài minh quả chuông của chùa Thiên-phúc trên núi Phật-tích do sư Huệ-thúy soạn năm Nguyên-hóa (?) thứ chín.

2 — Bài văn bia của chùa Sùng-nghiêm diên-khánh ở xứ Ái-châu (tức là Thanh-hoa) do sư Pháp-bảo soạn năm Đại-khánh (1) thứ chín.

3 — Bài văn bia của tháp Lăng-già, do Pháp-sư Lê-Kim soạn năm Hội-phong (2) thứ nhất.

4 — Bài minh quả chuông và bài văn bia của chùa Viên-quang đều do sư Dinh-đạt soạn năm Duệ-vũ (3) thứ ba.

5 — Bài văn bia của tháp Sùng-thiện diên-linh trên núi Long-dội, do viên Bình-bộ viên-ngoại lang Mai-Bật soạn năm Duệ-vũ thứ ba.

6 — Bài văn bia của chùa Linh xứng ở núi Nguống thuộc xã Ngọ-xá huyện Vĩnh-Phúc (nay thuộc tỉnh Thanh-Hóá), do sư Pháp-bảo soạn năm Duệ-vũ thứ bảy.

7 — Bài văn bia ở chùa Diên-phúc của thôn Cồ-Việt do người khách nhà Đỗ anh-Vũ tên là Nguyễn-Diệm soạn năm Đại-khai-hanh thứ tư.

Nhưng những bài đó đều không chép vào cuốn Kiến-văn-tiêu-lục.

Cứ như các bộ Đại-Việt sử-ký của triều Lê, Đại-Việt sử-ký của triều Tây-Sơn đã nói, thì về đời Nhân-tôn, hình như có ông Đỗ-Thiện đã soạn một cuốn sử-ký. Sau này ông Lê-văn-Hưu cũng có căn cứ vào đó mà viết ra họ Đại-Việt sử-ký, nhưng chưa rõ sách ấy vào loại sử nào và mai một tự bao giờ.

Đó mới là những sách và văn có ghi tên trong sử hoặc trong các sách.

Ngoài ra, trong chỗ không ai biết đến, có hẳn còn có nhiều nữa.

Nói vậy không phải là nói vu vơ. Trong cuốn Kiến-văn-tiêu-lục, ông Lê-quy Đôn nói rằng : Hai vua Thái-tôn, Nhân-tôn và nhiều tăng đạo đời Lý đều là những bậc bay chữ, giỏi thơ. Lại như các sứ đã nói thì mấy ông Lê-văn-Thịnh, Lê-bá-Ngọc, Mạc-biền-Tích và Tô-hiển-Thành đều là những tay văn-học có tiếng, kiến-thức rất rộng. Và ở

đời Lý, cũng đã có tòa Trung thư, tòa Hán-lâm là nơi coi về công việc trù-tác, chứ không cầu thả như hai đời Đinh, Lê. Thế thì trong hai trăm năm, lẽ nào lại có bấy nhiêu sách vở, văn-chương mà thôi? Chắc còn nhiều nữa. Nhưng vì lúc ấy nghề in chưa xuất hiện, sự truyền bá chưa được rộng rãi, cho nên nó phải mai một.

Đời thi xa, tài liệu lại bị thất lạc, bây giờ bàn về văn-học nhà Lý mà muốn tìm một câu kết-luận xác đáng, không phải là sự dễ dàng.

Có người nói trình độ văn-học nhà Lý đã cao, lại có người bảo đời ấy văn-học rất kém, ngày xưa các bậc tiền bối vẫn còn phàn nàn như vậy.

Nhưng xét cho kỹ thì hai thuyết đó đều chưa đúng với sự thực, vì nó quá tr « lung-thổng ».

Muốn hiểu chân tướng của văn-học đời Lý, cần phải chia làm nhiều đoạn và phải nhận rõ cái mực Hán-học bồi đó ra sao.

Nước ta theo học chữ Hán kè dã lâu lăm, một là từ đời Sỹ-Nhiếp, hai là từ đời Tích-Quang, ba là từ đời Triệu Đà. Không cần biết là tự đời nào, chúng ta có thể nói quả quyết rằng: Cái học từ đời Bắc-thuộc trở đi đến đời nhà Ngô, chỉ là học để giao thiệp với người Tàu, không phải học để thấu-thái văn-hóa của họ. Sự học ấy bấy giờ lô-mô, sơ-lược, cho nên trong hơn nghìn năm, nó không để lại cho ta một dấu vết gì.

Xuống đời nhà Đinh, đại khái cũng vẫn mực

Ấy. — Nếu không thể thi sao Tiên-hoàng lại đến đặt cho nước mình cái tên nữa tự nữa nôm ?

Đến nhà Tiên-Lê, hình như đã vượt được qua bậc đó.

Trong lúc Bắc-sứ Lý-Giác sắp-sứa về Tàu, pháp sư Bồ-Thuận có làm cho vua Lê Đại-hành một bài văn-văn tiên hán, gọi là bài hát « Địa Ngọc-lang về nước », nguyên-văn như sau :

祥光風好錦帆張

Tường quang phong hảo, cẩm phàm trương.

神仙復帝鄉

Thần tiên phục đế hương.

千里萬里涉滄浪

Thiên lý vạn lý thiệp sương nương,

九天歸路長

Cửu thiên qui lộ trường,

人情慘切對離觴

Nhân tình thảm thiết dõi ly trường.

攀戀星星郎

Phan luyến tinh tinh lang,

願將深意爲南疆

Nguyện tương thâm ý vị Nam cương,

分明報我皇

Phân minh báo ngã hoàng.

Tôi có lược dịch như vầy :

*Trời quang, gió thuận, bùm giường,
Thần-tiên chúc đã giục đường Bồng-lai.
Mông-mênh muôn dặm bờ khơi,
Lối về trong bóng chia tay xa xa.
Bóng khuất trước chén quan hả,
Mèn ai, lòng những thiết-tha nỗi lòng.
Xin ai vì coi Nam-trung,
Rõ ràng gửi lại mặt rồng trước sau.*

Bài ấy tuy rằng non-nót nhưng rất đẹp nhỉ. Ông Lê quý-Đôn cũng khen cái vẻ nuột-nà tươi-dep của nó có thể vẽ được.

Nhưng ngoài bài đó, không thấy một món gì khác có thể đám bảo cho sự học của đời ấy. Vậy thì từ đời Tiền-Lê về trước, mực Hán học cũng chỉ thế vây mà thôi.

Hồi đầu nhà Lý, tiếp luôn một mạch của nhà Tiền-Lê, cố nhiên sự học vẫn phải dùng yên mực cũ, dù mà lúc đó đã có những tay văn học như sư Văn-Hạnh. Hãy coi cái tôn-biệu của Lý-Thái là thi biết.

Trong lúc Thái-tô mới lên ngôi vua, quần-thần dung tôn hiệu là :

«Phụng thiên chí lý, ứng vận tự tại, thánh minh long hiện, duệ văn anh vũ, sùng nhân quảng hiếu, thiên hạ thái bình, khâm minh quang trách, chươn

mình vạn bang, hiền ứng phủ cảm, uy chấn phiến man, đại mưu thần trợ, thánh trị tắc thiền, đạo chính, hoành đế».

Thật là lồng cung lời thời, từ xưa đến nay, chưa vị hoàng đế nào tên tuổi dài-dài quái gò như thế,

Hợp cả sức học của triều-thần để đặt cho vua cái tên mà còn bất thông, dù rõ trình-độ Hán-học hời này là thế nào.

Song chỉ một hồi ấy thôi. Cách đó không lâu, sự học đã thấy tiếc bộ rất chóng.

Như trên mới nói, trong đời Thái-tôn, nhà vua đã giỏi nghề thơ, ở tòa Trung-thư đã có người làm được sách vở, ấy là bằng chứng của nền Hán-học hời đó.

Đến đời Nhân-tôn càng thịnh-vượng hơn.

Trong sách « Danh - tiết lục », về chuyện Ông Lê văn-Thịnh, ông Trần kỵ-Đảng — tác-giả sách đó — chép rằng : Trước đời Nhân-tôn, chưa có khoa-cử. những kẻ thông-minh nhanh nhẹn, đều phải do bọn thích-đạo lựa trọn và cất nhắc cho. Văn-Thịnh riêng vẫn ham đọc sách Nho, căm cui xuất ngày không biết mỏi...

Trong sách « Thiền - uyên tập - anh » cũng có nhiều vị thiền-sư như sư Ngộ Ẩn, sư Bảo-dám, đều là con nhà thường dân, thuở nhỏ đều theo nghiệp Nho.

Đó là việc họ đã vượt ra ngoài phạm-vi của triều-dinh và bọn thày tu mà lan xuống đến dân gian rồi vậy.

Từ đó mà đi. Hán-học mỗi ngày mài bành-trường. Những tay danh-nho cùng nối gót nhau ra đời, dần dần trong nước đã có đủ người để dự vào tòa Hán-lâm, tòa Kinh-diễn và các kỳ thi-cử. Làm cho chính-trị phong-tục được có trật-lý, có kỷ-cường, xây nên niết nền văn-hóa tốt đẹp cho nhà Lý, đều là sức của Hán-học.

Vậy thì bàn về văn-học nhà Lý, chúng ta có thể kết luận như vầy :

Đời Thái-tô còn là thời kỳ Âu-chí, đời Thái-tôn bắt đầu phát-đạt, từ đời Nhân-tôn về sau, thì là thời kỳ Thịnh-vượng.

Một điều nên nhận rõ là : Cái kết quả rực rỡ của Hán-học đời Lý không phải hoàn toàn là của Nho-giáo. Trong nền văn-học nhà Lý, Nho-giáo chỉ là phần phu, Phật-giáo mới là phần chính.

Cái đó không có chi lạ. Học thuật thường phải dựa theo phương hướng của chính trị. Chính trị ngành về đường nào, học thuật cũng phải đi theo đường ấy.

Nước ta trong hồi Đinh-Lê, Phật-giáo đã rất thịnh hành, vua Đinh Tiên-hoàng đã phong một người tăng-thống là Ngũ-châu-Lưu làm chức

Khuông Việt thiêng sứ, vua Lê Đại-hành thì có sai sứ sang Tàu để xin bộ kinh Đại-tạng. Hình như vua chùa bấy giờ mới biết có Phật giáo, chưa biết có Nho giáo.

Nhà Lý không cách nhà Lê mấy ngày, vua Lý Thái-tô thưa nhỏ lại có nương tựa ở đam thay chùa, tất nhiên là phải quy phục và ứng hộ đạo Phật hơn các vua trước.

Ngay lúc mới lên làm vua, Thái-tô đã ban áo mặc cho bọn tăng đạo. Sang năm Thuận-thiên thứ nhất, lại phát hai vạn quan tiền để cất lên tam ngôi chùa ở phủ Thiên-đức. Rồi ở trong và ngoài thành Thăng-long cũng dựng lên mấy nếp chùa như chùa Hưng-thiên, chùa Vạn-tuế, chùa Thắng-nghiêm, chùa Thiên-vương, chùa Cầm-y, chùa Long-hưng, chùa Thánh-thọ, chùa Thiên-quang, chùa Thiên-đức v.v. Và ở các nơi thôn quê, những chùa chiền nào đỗ nát, cũng bắt sửa lại tất cả.

Sang năm thứ tám, Thái-tô lại sai sứ thản sang Tàu xin kinh Tam-tạng. Khi được vua Tống ban cho, ông ấy lại bắt một người thiền-sư tên là Phi-Tri di tản Quang-tây dồn về và đe vào kho Đại-hưng.

Cách hai năm sau, Thái-tô lại đe hết thầy bùa dân thiền-bà làm sứ, và phát vàng bạc đúc

mấy quả chuông đè đem treo ở các chùa Hưng-thiên, Đại-giáo, Thắng-nghiêm.

Đến năm Tựu-tuần-thiên thứ mươi lăm, ngài lại xây chùa Chân-giáo ở trong thành và bắt các sư vào đúc tượng kinh rồi ngài thản-hành đến nghe.

Từ đó trở đi, Phật-giáo càng được các vua vua tròng bồi dắp.

Vua Thái-lòn trong năm Thiên-thành thứ tư, xây dựng vừa chùa vừa quán tất cả chín trăm tuồi sò. Đến năm Thiên-thuy thứ nhất, lại đúc tượng phật Đại-nguyễn đặt ở thềm rồng. Sáng năm Kiền-phù-bửu-đạo thứ hai, vừa về, vừa tặc, mỗi dăng hòn nghĩa pho tượng, và may hơn vạn lá phยอม, đè đem phái phát cho các chùa. Qua năm Sùng-hưng đại-bảo thứ hai lại dựng lên chùa Diên-hựu và cho sư vào tượng kinh. Rồi năm Long-thuy thái-bình thứ ba lại cất ngôi chùa ở phường Bảo-thiên và xây tại đó một ngọn tháp 12 tầng, cao vài chục trượng và phái hai vạn cân đồng đúc một quả chuông.

Kè qua hai đời, cũng đủ thấy rằng Phật-giáo đời Lý đã được săn-sóc đặc biệt. Mấy ông vua sau cũng vậy, không ông nào là không làm chùa-chùa.

Còn với Nho-giáo thì đâu được thế?

Trong bời nhà Lý trị vì chừng 50 năm, các vua đều chưa nói gì đến chuyện Nho-học. Mãi năm

Thiên-huống bảo-tượng thứ hai (1069), Thành-tôn mới sai dựng nhà văn-miếu, đúc tượng Chu-công, Khồng-tử cùng tượng lù phổi và vẽ tượng 72 học trò lớp cao của cụ Khồng, rồi bắt thờ cúng quanh năm và sai thái-tử tới đó mà học.

Đến năm Thái-ninh thứ tư (1075), Nhân-tôn mới dùng ba trường đề thi học trò trong nước. Rồi năm Anh-vũ chiêu-thăng thứ nhất (1076), mới đặt nhà Quốc-tử-giám, và bắt những người văn-thần có văn-học vào coi nhà ấy, và năm Quảng-hựu thứ hai (1086) có thi những kẻ văn-học để bắt vào tòa Hán-lâm.

Có lẽ trong đời Nhân-tôn, Nho-giáo đã được săn-sóc chăm-nom nhiều nhất.

Sau đó, trong năm Thiên-thuận thứ nhất (1128), Thành-tôn bắt đầu ra nghe giảng sách ở tòa Kinh-diễn.

Trong năm Đại-định thứ mười ba (1152), Anh-tôn có mở ra kỳ diệu-thi để cho học trò trong nước vào thi. Cách mấy năm sau, vua ấy lại lập riêng một ngôi miếu để thờ Khồng-tử ở phía nam thành Thăng-long. Tới năm Cảnh-long bảo-ứng thứ ba, Anh-tôn lại đặt một kỳ thi nữa để thi học sinh.

Trong năm Trinh-phù thứ mười (1186), Cao-Tôn cũng mở kỳ thi, kén lấy những người từ 15 tuổi trở xuống, mà đã thông hiểu kinh Thi, kinh Thư, để bắt làm chức Thị-học ở tòa Kinh-diễn,

Áy đó, suốt tam đời vua nhà Lý, công việc đổi mới Nho-giáo đại khái mới có bấy nhiêu. Nếu đem ví với Phật-giáo, thì thấy chênh lệch biết chừng nào!

Vì vậy, văn-học đời Lý mới bị Phật-giáo chiếm quyền bá chủ.

Ngoài Phật-giáo và Nho-giáo ra, nhà Lý cũng còn sùng thượng cả Đạo-giáo, (đạo của Lão-tử) nữa. Nhưng hình như Đạo-giáo hồi đó đã bị chộn lộn vào với Phật-giáo, cho nên ở trong văn-học không thấy có ảnh hưởng riêng.

Đó mới là nói về đại-thể, muốn biết tường tận, hãy coi những bài thơ văn sau đây.

1- 3- Tiết là Hội-tường đại-khai-lu và Thiên-phù duệ-võ, hai niêm
tuyên của Lý Nhân-tông. 2 - Niêm hiệu của Lý Thái-tông.

I.— Vạn-hạnh thiền - sư

(Khoảng đầu thế-kỷ XI)

Ông người làng Cồ-pháp (nay là làng Định-bảng, thuộc phủ Từ-son tỉnh Bắc-ninh), họ Nguyễn, chưa rõ tên tục là gì. Nhà ông đời đời thờ Phật, từ thủa nhỏ, ông đã tỏ ra người thông minh khác thường, học khắp tam giáo, khảo cứu nhiều «luận» của nhà phật, và rất nhặt-nhẽo với chuyện áo-xié. Năm hai mươi hai tuổi thì ông xuất-gia, cùng với Định-huệ thiền - sư theo học Lục-tô ở chùa Định-bảng phủ Thiên-đức (nay là phủ Từ-son). Trong kí công-việc nhà chùa hoi rõi, ông lại tặc-cụi họ : tập, quên cả mồi mệt.

Sau khi Lục-tô chết rồi, học-lực của ông rất tiến. Những câu ông nói, đều thành ra lời phù xăm (1) Vua Lê Đại-hành rất là tôn-kính.

1— Vâng-chương đời Lý còn lại ngày nay bao giờ là của các sư. Vì vậy, & liệu-sử của các già cũng có nhiều chỗ hoang đường không đáng tin. Sở dĩ có một vài chỗ chưa bì luột đi, là muốn để cho người đọc nhận biết xu hướng học thuật của đời ấy.

Đầu hiệu Thiên-phúc, nước ta bị tướng nhà Tống là Hầu-Nhân Bảo đem quân sang đánh, vua ấy mời ông vào triều để hỏi về sự được thua. Ông đoán trong ba bảy ngày quân-giặc tất-nhiên phải lui. Rồi sau quả đúng như nhời ông nói. Khi Lý Thái-tông sắp thay nhà Lê làm vua, trong nước cũng xảy ra nhiều diêm-lạ, ông đều đoán trúng được cả. Vì vậy, sang đời nhà Lý, ông lại càng được trọng-dâng.

Đến năm Ưng-thiên thứ 9 thì ông tạ thế. Nhà vua và các sỹ-thứ có xây tháp để chôn-hài cốt của ông.

示弟
THÍ ĐỆ

身如電影有還無
Thân như điện ảnh hữu hoan vô,
萬木春榮，秋又枯
Vạn mộc xuân vinh, thu hựu khô,
任運盛衰無怖畏
Nhiệm vận thịnh suy vô bối úy,
盛衰如露草頭鋪
Thịnh suy như lô thảo đầu phô.

Giải nghĩa

Bài này ý nói cối dời không có cái gì vĩnh-viễn, thân của người dời, cũng như bóng chớp, có rời lại biến thành không, các thứ cây cối, mùa xuân tươi, mùa thu lại khô. Vận của cối dời dù có lúc thịnh, lúc suy, nhưng cũng dừng sự, sự thịnh suy đó chỉ là những việc tạm thời, cũng như giọt sương đóng trên ngọn cỏ vậy.

Phiên dịch

BẢO CÁC ĐỒ ĐỂ.

*Thân như bóng chớp, có rời không.
Cây cối xuân tươi, thu rão nắng.
Mặc cuộc thịnh suy dừng sự hãi,
Kia kia ngọn cỏ giọt sương đóng.*

II — Thái - Tôn (Khoảng giữa thế kỷ XI)

Ngài tên là Phật-Mã, con trai Thái-tồ, thiên-tư rất thông-minh, biếu bết các môn lê, nhạc, xa, ngự, thư, số, lại rất thạo về phép hành-binh, Chính ngài đã tự đem quân đánh nước Chèm-thành, chém được Xạ đầu, bắt được nàng My-Ê và hơn nghìn quân Chàm. Về đường văn-học, ngài cũng chịu khó nghiên cứu các sách, rất thích ngâm-thơ, làm văn. Trí-vi được 27 năm, thọ hơn năm chục tuổi.

與 諸 菩 宿 講 究 禪 旨
DÙ CHƯ KỶ TÚC GIẢNG CỦU THIỀN CHỈ

般 若 眞 無 宗
Bát nhã chân vô tông,
人 空 我 亦 空
Nhân khong ngã diệc khong,

過，現，未來佛
 Quá, hiện, vi-lai phật,
 法性本相同
 Pháp tinh bản-tương đồng.

Phụ lục

Bài này Thái-tôn làm ra trong lúc chơi chùa Vạn-phúc. Bấy giờ nhāo cùng già lão các nơi bàn về đạo thiền, Thái-tôn có bảo bọn đó mỗi người thử ngõi mấy câu tỏ qua ý mình, để xem chỗ dụng tâm của mọi người khác nhau thế nào. Khi mà bọn kia còn đương lầm nhầm đặt từ, ngoài đã ngõi xong được bốn câu này, cả đám đều phải phục là nhanh nhẹn.

Dẫn chú

Bát nhã : Tiếng của nhà Phật, có chỗ giải là tri-tuệ, có chỗ giải là trút hết ý nghĩa càn-bậy, trả về cõi thanh-tịnh.

Quá, hiện, vi-lai : Tức là đã-quá, hiện-giờ vẫn chưa-lái.

Không : Trống-rỗng, không có gì, đối với «sắc» là có-màu-vẻ.

Pháp tinh : Đức tinh mầu-nhiệm thiêng-liêng của Phật.

Giải nghĩa

Bài này Thái-lôn tự kè chỗ mình hiểu về đạo Phật, ý nói: Đạo Phật vốn không có riêng ngành giòng. Cho dược tới chỗ cùng-cực của đạo ấy, người và mình đều là hư không. Các phật, đời xưa, đời nay và đời sau, cũng đều chung một linh mầu nhiệm ấy.

*Phiên dịch*CÙNG CÁC GIÀ LÃO BÀN VỀ
Y NGHĨA ĐẠO THIỀN*Đạo Phật vốn không giòng**Người không, mình cũng không.**Trước, rày, sau, các Phật,**Pháp-linh vẫn cùng chung.*

..

追贊法雲寺毗尼
TRUY TÁN PHÁP YĀN TŪ TY-NY

多流支禪師

ĐA-LUU-CHI THIỀN-SƯ

創自來南國
Sáng tự lai Nam quốc,

聞君久習禪
Văn quán cừu tập thiền,

應開諸佛信
Ung khai chư Phật tin,

遠合一心源
Viễn hợp nhứt lâm nguyệt,

皎 皎 楞 伽 月
Hảo hảo Lăng già nguyệt,
芬 芬 般 若 莲
Phân phân Bát nhã liên,
何 時 臨 面 見
Hà thì lâm diện kiến,
相 與 話 重 玄
Tương dù hoại trùng玄.

Bí - khảo

Câu từ này, Toàn-Việt thi-lục chép là 飛錫
來 南 國 (Phi tich lai Nam-quoc).

Câu thứ bảy, Việt-ám thi-tập chép là 何時
再 得 見 (Hà thi tái dắc kiến).

Nhưng ở Thiền-uyên tập anh và Hoàng Việt
thi-tuyên đều chép như trên.

Dẫn chú

Tỳ-ny-đa-lưu-chi thiền-sư : Ông này người
nước Đông-Thiên-trúc (một bộ phận trong nước
Ấn-Độ), thuộc về giòng giỏi Bà-la-môn, thoát nhô
đã có chí muốn vượt khỏi cõi tục, từng đi khắp
xứ Tây-trúc, để tìm tâm ẩn pháp-duyên của Phật.
Nhưng vẫn chưa được mãn nguyện, ông ta lại sang
phương Đông. Năm thứ sáu biến Đại-kien nước

Trần (một triều đại trong đời Lục-triều bên Tàu), ông ấy mới tới Trường an. Nhằm khi Vũ - đế nhà Chu có lệnh hủy - diệt Phật pháp, ông ta lại phải đi xuống dắt Nghiệp. Sau khi đã gặp Tam-tồ, ông ấy theo lời ông này tới miền Quảng-châu, vào ở trong chùa Cử-đài ước chừng sáu năm, có dịch được nhiều kinh Phật. Qua năm thứ hai hiệu Đại-tường nhà Chu, mới sang nước ta và ở lại chùa Pháp - vân, lại dịch được một cuốn kinh Đồng-tri. Về sau gặp được thiền-sư Pháp-biền, thầy trò rất tương đặc. Ông ấy đem hết những điều só - đặc của mình, truyền cho Pháp-biền thiền-sư. Đến năm thứ 14 hiệu Khai-hoàng nhà Tùy (654) thì mất, thiền sư Pháp hiền có dựng tháp thờ.

Lăng già : Tên một trái núi ở đảo Tích-lan thuộc xứ Nam Án-dộ. Theo sách Phiên-dịch danh-nghĩa tập, Phật đã nói kinh Lăng-già ở trên núi ấy. Vì vậy người ta hay dùng chữ ấy để nói bóng về đạo Phật.

Giải nghĩa

Bài này chủ ý tán tung Tỳ ny-da-lưu-chi thiền-sư, đại khái khen thiền sư ấy là người tự mình đi đến nước Nam trước tiên. Nghe nói trước khi tới đây, ông đó đã học đạo Phật từ lâu. Vì muốn mở rộng đường tin của các Phật, cho nên không quản khó nhọc mà sang phương Đông. Ở nơi xa - xôi, may lại được gặp Pháp - biền thiền - sư

là người chung một nguồn lòng, thì cũng phu công. Bây giờ ông ấy đã mất, nhưng đạo-hạnh của ông ta vẫn còn vắng-vặc như vàng trääng trên núi Lăng-giê, ngào ngạt như mùi sen trong cõi Bát-nhã, khiết minh hâm-mộ vô cùng. Không biết còn có ngày nào ông ấy tái sinh, để minh lại được thấy mặt, mà cùng nói chuyện về lẽ huyền-bí mầu-nhiệm của đạo Phật hay không.

Phiên dịch

TRUY TAN THIEN SU TY-NY ĐA LUU-CHI
Ở CHUA PHAP-VÂN

*Cõi Nam đầu bước tới,
Nghe đã đượm mầu thiền,
Tin Phật mong thêm rộng,
Nguyên lòng khéo hợp duyên,
Non Già lòng bồng nguyệt,
Cõi Nhã nức mùi sen,
Hợp mặt chẳng bao tá?
Cùng nhau giảng lẽ huyền.*

III.— Huệ - minh thiền - sư.

(Khoảng giữa thế kỷ XI)

Ông họ Lãm, tên tục là Khu, người làng Đông-phú-liệt, nguyên là con cháu Lâm Phú ở Trà-sơa. Thuở nhỏ tướng mạo rất khôi ngô, ăn nói rất lưu-loát, đã nổi tiếng là bút chữ tốt văn hay. Nhưng khi học nho còn thưa thi giờ, ông lại nghiên thèm sách Phật. Các kinh, các luận, không thứ nào ông không coi. Mỗi khi nói đến những chỗ cốt yếu của Phật-pháp, ông thường than thở và rò nước mắt. Gần bảy mươi tuổi mới bỏ tục đi theo Định - Huệ thiền - sư, huyền học càng ngày càng tiến. Từ đó, vết chân ông hồn khắp tung lâm, rồi ông lên ở trên núi Bồ-đề. Mỗi lần nhập định, it ra cũng phải năm ngày. Người ta đã gọi ông là Phật xác thịt.

Vua Thái-tòn nghe thấy tiếng ông, ngại có sai người đến vời. Trước ông đã từ chối không đi, sau vì nhà vua cố ép, bắt đắc - dĩ ông phải rời cửa

khuyết. Sau khi ông thừa hết các điều hỏi, Thái-tôn rất ưng ý, liền phong làm nội-cung-phụng tăng và truyền cho ở trong chùa Vạn-phúc ở thành Thăng-long. Lúc ấy các vị vương công trong triều, nhiều người đến hỏi đạo Phật và đều coi là bậc thày. Sang đời Thánh-tôn ông được phong làm Tà-nhai độ-tăng-thống. Đến năm Gia khánh thứ năm thi mất. Ông có soạn ra nhiều bài văn bia ở các chùa Thiên-phúc, Thiên-thánh, Khai-quốc, Diệu-nghiêm, Báo-đức ở vùng Tiên-du Vũ-minh và làm ra mấy cuốn Pháp sự trai-nghi, Đạo-trường khánh-tán-văn, hiện nay suy-tâm chưa được.

對 太 宗 參 間 禪 旨
ĐỐI THÁI-TÔN THAM VĂN THIỀN CHỈ

寂 寂 樂 伽 月
Tịch tịch Lăng - già nguyệt,
空 空 渡 海 舟
Không, không độ bắc chu,
知 空 空 覺 有
Tri không, không giác hữu,
三 味 任 通 適
Tam muội nhiệm thông chu.

Phụ lục

Trong lúc Thái-tôn chơi chùa Vạn-phúc, cùng các già-lão bàn về ý nghĩa đạo thiền, tá-giả cũng có ở đó. Bài này chính là theo lời Thái-tôn mà làm ra.

Dẫn chú

Tam muội. Tiếng của nhà Phật, nghĩa là dứt hết các duyên, chỉ chuyên giốc lòng về lẽ hư vô tịch-diệt, tức là những cách tu-jưỡng của đạo Phật. Người ta cũng mượn chữ đó để nói về chỗ sâu-xa mầu-nhiệm của một học-thuyết hay một tôn-giáo.

Giải nghĩa

Bài này ý nói: Chỗ cung-tột của đạo thiền, cũng im lặng như bóng trăng trên núi Lăng-giả, hư không như chiếc thuyền vượt qua khơi biển. Hè hiếu được cái lẽ « có » tức là không, không tức là có », ấy là di tới chỗ sâu-xa mầu-nhiệm của đạo Phật.

Phiên dịch

**ĐÁP LỜI THÁI-TÔN HỎI VỀ Y NGHĨA
ĐẠO THIỀN.**

*Non Giả vắng nguyệt tĩnh,
Biển thẳm chiếc thuyền không,
Hè i thấu « không » và « có »,
Rõ ràng Thiền mặc ruồi rong.*

IV.— Cứu-chí thiền-sư

(Phần trên thế kỷ XI)

Ông họ Đàm, chưa rõ tên tục là gì, người làng Phù-darem, phủ Cầu-minh. Thuở nhỏ rất ham học, các sách về đạo Khổng, đạo Phật, sách nào cũng đọc. Một hôm ông gặp sách và than : Khổng-tử, Mác-tử cảm-trấp về lẽ « có »; Trang-tử, Lão-tử dám-đuối về lẽ « không »; những cách vụn vặt của bế-tục, đều không phải phương pháp giải thoát. Chỉ có Phật-giáo không kẽ có không, có thề kết liễu được cuộc sống thâc, nhưng phải tự tu rất nghiêm - ngặt mới được. Rồi ông đến thăm Định-hương trưởng-lão ở chùa Cảnh-ứng xin làm học trò. Vì khi nghe lời trưởng-lão, ông hiểu ngay được ý muốn nói, nên mới đặt tên là Cứu-chí. Sau đó ít lâu, ông làm sư ở chùa Quang-minh trên núi Tiên-du. Luôn sáu năm khô-banh tu-bánh, chán không bước xuống dưới núi. Tiếng dồn tới kinh, Thái-thôn

mấy lần đến chùa thăm hỏi. Trong năm Long-thụy
thái bình, Tè-tưởng Dương-đạo Gia mời Ông về
ở ngôi chùa của mình là chùa Diên-linh trên núi
Long-dội. Đến năm Chương-thánh gia-khánh thì
mất.

示寂

THI TICH

覺了身心本凝寂,
Giác hiểu thân tâm bản nhưng tịch,
神通變化現諸相,
Thần thông biến hóa hiện chư tướng,
有爲無爲從此出,
Hữu vi yô vi long thư xuất,
河沙世界不可量,
Hà sa thế giới bất khả lượng,
雖然徧滿虛空界,
Tuy nhiên biến mãn hư không giới,
一一觀來沒形狀,
Nhất nhất quan lai môt hình-trạng.
千古萬古難此況,
Thiên cổ van cổ nan thử huống,
界界處處常朗朗
Giới giới xứ xứ thường lâng lâng.

Dẫn chú

Thị tịch : Tiếng của nhà chùa, chỉ về lời trói-trắng trong khi lâm-chung, cũng như ta nói tuyệt bút.

Hà sa thế giới : Thế giới nhiều như hột cát trên sông. Trong kinh Kim-cương có câu « 諸 恒 河 所 有 沙 數 寧 爲 多 不 ? »

(chữ Hán-hà sô hữu sa số nịnh vi đà phầu ?) : các số hột cát của sông Hằng đã có hả là nhiều chăng ». Những chữ Hà sa Hằng-hà sa-số, đều gốc ở đó mà ra.

Giải nghĩa

Bài này ý nói Thân tâm của người đã giác ngộ về đạo Phật, chỉ là một nơi kết-dụng của sự tịch-diệt. Sự tịch diệt ấy vì phép thần-thông biến-hóa có thể hiện dù mọi tướng. Có làm gì, hay không làm gì, đều ở trong đó mà ra. Và khi mình đã giác ngộ, thi dẫu thế giới đầy chật không-gian, nhiều như hột cát trong sông, không thể lường tính, nhưng tự mình coi ra đều là không có hình trạng gì cả. Từ muôn nghìn đời đến giờ, rất khó có ai tới được bậc đó. Nếu đã tới được bậc đó, thi bất kỳ đâu đâu, đều thấy là nơi sáng-sủa tất cả.

*Phiên dịch*THỊ TỊCH

Thân làm tinh-thức vẫn lặng im,
 Thân-thông biến hóa dù mọi trường.
 Có làm, không làm, gốc tự đây.
 Cõi đời a hệt cát o khôn đỗ lợng.
 Tuy rằng đầy-chặt bùn hử không,
 Xem ra hết thảy không hình trạng.
 Mướn đời chưa dẽ đến cảnh này,
 Chốn chốn nơi nơi đều chói sáng.

V.— Nhân - tôn

Ngài tên là Kiều-Đức, con trai Thành-tôn, cháu nội Thái-tôn, lên ngôi vua từ năm 7 tuổi. Nhờ có mảnh tay phu tướng hết lòng rèn cặp, giúp đỡ, nên khi lớn lên, ngài liền trở nên một vị anh quân thứ nhất nhà Lý, có nhiều công nghiệp lớn lao. Về mặt võ bị, ngài tổ chinh đốn quân ngũ, cho thành đội binh hùng-cường, rồi ngài sai Lý Thường Kiệt lấy cớ hỏi tội Vương an-Thạch về tiền « thanh miêu » đem quân sang đánh nhà Tống, hạ được ba châu Khâm, Liêm và Ung. Về mặt Nho-học, thì ngài dựng lên Văn-miếu để thờ Chu-công, Khổng-lử, đặt ra phép thi lâm trường cho học trò trong nước đến thi, lập nên nhà Quốc-lử giám, kén các quan văn vào dạy và bắt thái-lử đến học. Rồi ngài lại mở ra tòa Hàn lâm và đặt khoa thi, chọn lấy những người văn-học để bồi vào đó làm việc.

Theo như trong sử đã chép, thi Nho-giáo ở nước ta đến đời ngài đã phát-đạt lắm.

Tinh ngài rất thích văn chương, ưa ngâm vịnh, có làm ra nhiều bài thơ, nhưng mà phần nhiều đã bị siêu lạc. Bài chiếu « lâm chung » chính là do ngài ngã ra. Theo sách « Vũ-trung lúy bút », thì ngài còn thảo bài hịch kê các tội-trạng của Vương sa-Thạch, đưa sang cho vua Tống nữa. Tiếc rằng bài ấy tìm kiếm chưa thấy.

Ngài ở ngôi vua 55 năm, thọ được 62 tuổi. Tác phẩm của ngài may còn mấy bài dưới đây.

追 賛 萬 行 禪 師
TUY-TÁN VĂN-HẠNH THIỀN SƯ

萬 行 譏 三 濟

Vạn hành dâng tam lể,

應 符 古 譏 詩

Üng phù cõ xẩm thi.

鄉 關 名 古 法

Hương quan danh Cõ pháp

挂 錫 鎮 王 級

Tru tich trấn vương kỳ.

Dẫn chú

Vạn hạnh thiền sư : coi lược-sử ở trên.

Tam tế : Ba cõi, tức là trời, đất và người.

Cồ-pháp : Tức là làng Định-bằng thuộc phủ Từ-sơn tỉnh Bắc-ninh, quê của Vạn - hạnh thiền sư. Làng ấy, thủa xưa vẫn gọi là làng Diên-uần. Khoảng đời Bắc-thuộc, có người thiền-sư tên là Định-không vì đào đất đắp nền chùa bắt được mười chín chiếc khánh cồ, mới đổi làm làng Cồ-pháp.

Giải nghĩa

Bài này ý nói Vạn - hạnh thiền-sư là bậc súc học xa rộng, hiểu thấu sự huyền-bí của ba cõi trời, đất và người. Những người « người » nói câu nào cũng đúng, giống như thơ xẩm đời xưa. Cái làng « người » ở lại tên là làng Cồ pháp, thật xứng đáng với pháp thuật của « người ». Khi « người » dụng gậy tăm-xích ở chốn kinh kỳ, đã làm kinh đô nhà vua được thêm vững vàng.

*Phiên dịch***TUY TÂN VẠN HẠNH THIỀN-SƯ**

Học rộng lầu ba cõi.

Lời in tiếng xẩm xưa

Quê làng tên Cồ-pháp

Dụng gậy vững kinh vua.

贈 覺 海 禪 師 通 玄 道 人

TẶNG GIÁC HẢI THIỀN-SƯ
THÔNG HUYỀN ĐẠO-NHÂN

覺 海 心 如 海
Giác hải tâm như hải,
通 玄 道 又 玄
Thông huyền đạo huyền huyền,
神 通 兼 變 化
Thần thông kiêm biến hóa,
一 佛 一 神 仙
Nhất phật nhất thần tiên.

Dẫn chủ

Giác-Hải thiền-sư: Cố lược-sư ở dưới đây
Thông-huyền đạo-nhân: Một người đạo-sỹ
 trong đời Nhân-tôn, đã nhiều lần bị vua Nhân-tôn
 vòi vào hỏi chuyện.

Giải nghĩa

Bài này ý nói Giác-hải là nhà tu-hành lỏng
 rộng như bể. Thông-huyền là nhà đạo sỹ pháp-
 thuật rất mầu. Cố sự thần thông biến hóa của
 hai người, có thể nói rằng một người là phật,
 một người là tiên.

*Phiên dịch*TẶNG THIỀN-SƯ GIÁC-HẢI VÀ
ĐẠO-NHÂN THÔNG - HUYỀN

*Giác-hải lòng như biển,
Thông huyền phép rất mầu.
Thần-thông và biến hóa,
Tiền Phật khác chi đâu?*

VI.— Viên chiếu thiền sư

(Khoảng cuối thế kỷ XI)

Ông họ Mai, tên tục là Trực, người làng Lương
đòm, con người anh bà Linh - cảm thái - hậu
(vợ vua Thái-tôn). Thủa nhỏ ông rất ham học,
nghe nói trong quận có người trưởng-lão ở chùa
Mật-nghiêm giỏi nghệ coi tướng, liền đến hỏi xem
tướng mình ra sao. Người trưởng-lão bảo ông rất
có duyên với Phật-pháp, nếu xuất gia có thể trở nên
một người trong bậc thiện-bồ-tát, hằng không, chưa
biết sống lâu hay chết non.

Cảm lời nói ấy, ông liền từ giã cha mẹ, vào
chùa Tiêu-sơn, nghiên cứu thiền-học. Về sau, ông
tự cắt một ngôi chùa ở thành Thăng-long, đặt tên
là chùa Cát-tường và tự vào ở chùa đó.

Bấy giờ sức học của ông rất tiến, và lại có
tài về sự biện-luận. Trong khi ứng đối với
các nhà sư, ông có nhiều câu cực kỳ bóng bẩy,
như là

角 韶 隨 風 穿 竹 到
Giốc huồng tùy phong xuyên trúc đáo.
 山 岩 帶 月 過 牆 來
Sơn nhам dài nguyệt qua tường lai.

Và :

雨 滴 巍 花 神 女 泣
Vũ trích nham hoa Thần nữ lệ,
 風 敲 庭 竹 伯 牙 琴
Phong sao đình trúc Bá-nha cầm.

Nếu dịch ra quốc văn thì là :

*Theo gió, tiếng cõi luân bụi trúc,
 Kèm trăng, bóng núi qua đầu tường.*

Và :

*Hoa núi mưa sa, Trần nữ khóc,
 Tre sầu gió thổi, Bá-nha cầm.*

Ông có soạn ra mười hai bài văn cầu-nguyễn
 Được - sư, vua Nhân - tôn nhận khi sai sứ -
 sang Tàu, có đệ bản giáp đưa vua Triết-tôn nhà
 Tống. Các pháp-sư ở chùa Tuóng-quốc iền Tàu,
 coi những bài ấy đều phải sợ phục, không thay
 đổi được một chữ nào.

Ông mất năm năm quảng-hựu thứ sáu, tháng 92
 tuổi. Nghe nói cuốn Tân Viên - giác kinh thập -
 nhị bồ-tát và cuốn Tbam-dồ hiền-quyết của ông
 soạn ra vẫn còn lưu-bảnh.

無 疾 示 衆
VÔ TẬT THỊ CHÚNG

身如牆壁圮頽時
Thân như tường bích dĩ .đồi tbì,
舉世勿勿孰不悲?
Cử thế không thông thục bất bi ?
若達心空無相色
Nhược đạt tâm không vô tướng sắc,
色空隱現任推移
Sắc không ẩn hiện nhiệm suy - di.

Giải nghĩa

Trước khi đọc mấy câu này, tác-giả có nói:
Trong thân người dời, dốt xương gân mạch,
các khúc dùi về, đều do chấp nỗi mà thành ra.
Sự chấp nỗi đó vốn là vô thường, cũng như nóc
nhà đến lúc đồ vỡ, rui-mê đều phải rơi hết ».
Bài này, phô-diễn ý đó, đại-khai nói rằng : Thân
thề người dời cũng như tường vách siêu đồ, sẽ
phải tan-tành. Thấy dời lao-dao, lát-dật, ai không
thương xót? Nhưng nếu tu được đến bậc cõi lòng
hư-không, không có cái tướng mầu-vẻ, thì không
với sắc, ẩn hay hiện, có thể tự mình xoay-xởa,
sống chết có lo gì?

Phiên dịch
KHI KHÔNG CÓ TẬT BẢO VỚI MỌI NGƯỜI

Thân như tường vách đã lung-lay,
 Lật-dật người đời: nhũng xót thay.
 Nếu được « lòng-không » không tường sắc,
 Sắc không ẩn hiện mặc vẫn soay.



VII — Mân-giác thiền-sư (Khoảng cuối thế kỷ XI)

Ông người thôn Lũng - chiền, làng An - cách, họ Nguyễn, tên tục là Trường, con viên Trung-thư viên-ngoại-lang Nguyễn Hoài-Tổ. Khi vua Nhàn-tôn còn làm thái tử, có kêu con các danh-gia vào hầu, ông vì nghe rộng, nhớ nhiều, học thông đạo Nho, đạo Triết, cho nên mới được dự tuyển. Đến lúc Nhàn-tôn lên ngôi, vì vốn yêu chuộng từ lâu, bèn cho ông tên là Hoài-Tín. Trong năm Anh-vũ chiên-thắng, ông mới tau xin xuất gia. Sau khi được làm-ăn của Quảng-trí thiền-sư, ông liền đi chơi các nơi, để tìm bạn đạo. Khi ông tới đâu, học trò tụ họp rất đông ở đấy. Dấy giờ nhà vua và bà Cảm-linh-hân hoàng-thái-hậu đương lưu tâm về việc thiền học, liền dựng ngôi chùa ở cạnh cung Cảnh-hưng

mời ông về Úc, cho tiệc sự Hội han. Sau đó, ông được phong làm Nhập-nội đạo trưởng, nhà vua quyên cho năm chục hộ.

Ông mất năm năm Hội-phong thứ năm, Nhân-lòn lặng lẽ rất hậu, và cho tên thay gọi là Mùn-giác.

告 疾 示 衆
CÁO TẬT THỊ CHÚNG

春去百花落,
Xuân khứ bách hoa lạc,
春到百花開.
Xuân đáo bách hoa khai.
事逐眼前過,
Sự chục nhén tiền quá,
老從頭上來.
Lão tòng đầu thượng lai.
莫謂春殘花落盡
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận,
庭前昨夜一枝梅
Đinh tiền tạc dạ nhất chi mai.

Giải nghĩa

Bài này ý nói : Cảnh vật trong vũ trụ, phần nhiều là những huyền tượng, không có cái gì vĩnh viễn. Giống như hoa với mùa xuân : mùa xuân hết

trăm hoa đều héo rụng, mùa xuân đến, trăm hoa lại đua nở. Bởi người cũng vậy. Những lúc tuổi trẻ, công việc hàng ngày hàng phút đi qua trước mắt, mình không để ý, cái già nó đã tiến đến ở trên đầu mình lúc nào. Tuy vậy, cũng đừng tưởng rằng: hễ khi xuân tàn, có bao nhiêu hoa đều phải rụng cả. Giữa lúc tiết trời giá rét, cây cối trơ trọi, mà đêm hôm qua, ở trước sân, một cành mai đã đương nở hoa kia kia. Những người tu hành đặc đạo được nền chánh giác, có thể vượt ra ngoài cuộc sinh hóa của trời đất, cũng giống như cành mai ấy.

Phiên dịch

CÓ BỆNH, BẢO VỐI MỌI NGƯỜI

Xuân trỗi, trăm hoa rụng,
 Xuân tối, trăm hoa cười,
 Trước mắt, việc đi mãi,
 Trên đầu, già đến rồi!
 Đừng tưởng xuân tàn hoa rụng hết,
 Dêm qua, sân trước, một cành mai.

VIII — Ngộ-ǎn thiền-sư

(Khoảng giữa thế-kỷ XI)

Ông họ Đàm, tên tục là Khi, người thôn
Tư-lý, làng Kim-bài.

Bà mẹ họ Cồ, khi chưa lấy chồng, bà ấy vẫn ở
gần một khu rừng liền với làng đó.

Một hôm, bà đó dương ở trong nhà dệt vải,
bị một con khỉ nhảy vào băm-hiếp, rồi thay có mang.
Sau đẻ được người con trai, bà ta ghét
lắm, liền đem bỏ vào trong rừng. Trong làng, có
một nhà sư họ Đàm, người Chiêm-thành, bèn đem
về nuôi, đặt tên cho là Khi.

Thứa 15 tuổi, người sư Chiêm-thành vẫn cho
ông theo về nghiệp Nho, học-vấn mỗi ngày mỗi
tiễn.

Năm 19 tuổi ông mới xuất gia. Sau khi được làm
đạo của Quảng-trí thiền-sư, ông bèn vào núi Nioh-
son, làm lầy một nếp chùa tranh mà ở và tự đặt
biệu là sư Ngộ-ǎn.

Mất năm Quảng-hựu thứ tư, thọ được 69 tuổi.

示寂

THỊ TÍCH

妙性虛無不可攀,
Diệu tinh hư vô bất kǎ phan,
虛無心悟得何難,
Hư vô tâm ngộ dắc hì nan,
玉焚山上色常潤,
Ngọc phàn sơn thượng sắc thường nhuộn,
蓮發爐中溫未乾
Liên phát lò trung thấp vị can.

Dẫn chú

Hư-vô: Trống-rỗng, không có gì. Sách Hoài-Nam-lữ nói rằng: «Trống-rỗng không có gì tức là chỗ «đạo» vẫn ở... Gọi là chán-chán, ấy là những người linh hợp với đạo, cho nên, dù có mà vẫn giống như không có gì, dù dày-dặc mà vẫn giống như trống-rỗng». Câu này mượn chữ đó để chỉ về lẽ mẫn-nhiệm của đạo Phật.

Giải-nghĩa

Bài này ý nói: Cái tinh hư-vô của nhà Phật là tinh rất cao, không thể vin-vít cho tới. Nhưng nếu người nào trong bụng đã hiểu được lẽ hư-vô, thì tu cho được có tinh ấy cũng không khó gì.

Khi đã có được tình ấy, thì những hoàn-cảnh khe khắt không thể ảnh-hưởng đến mình, cũng như hòn ngọc bị thiêu trên núi, sắc nó vẫn nhuần, hoa sen nở trong lò lửa, mà không bị khô.

Phiên dịch

THỊ TÍCH



*Hu-võ tinh ấy khó via noi,
Rèng bụng hu-võ hiều được thôi.
Trên núi ngọc thiêu, mà vẫn nhuần,
Trong lò sen nở, sắc thường tươi.*

IX — Chân không thiền sư

(Khoảng cuối thế kỷ XI)

Ông người làng Phù-dồng huyện Tiên-du, họ Vương, tên tục là Hải-thiền, vốn là con nhà sang trọng. Thủa nhỏ, chỉ thích cầm khò dọc sách, không muốn mò tay vào những việc vặt. Khi mười lăm tuổi, học thông các sử-sách. Ngoài bai mươi tuổi mới đi chơi các chùa chiền để kiếm bè bạn.

Sau khi được tâm-áu của thiền-sư ở núi Đóng-cùn, ông liền vào tu ở Tứ-sơn. Hơn hai chục năm không hề xuống núi, danh tiếng lừng lẫy xa gần. Vua Nhân-tôn đã mời ông vào đại-nội giảng kinh Pháp-hoa, kẻ nghe giảng ai cũng kinh phục.

Mất năm Hồi-phong thứ chín.

將逝寂
TUONG THÈ TỊCH

妙 本 虛 無 日 日 誇
Diệu bản hư vô nhát nhát khoa,
和 風 吹 起 遍 婆 婆
Hòa phong xuy khôi biến bà hè,
人 人 盡 識 無 爲 樂
Nhân nhân tân thirc vô vi lạc,
若 得 無 爲 始 是 家
Nhược đắc vô vi thủy thi gia.

Dẫn chú

Vđ nì : Không cần làm gì. Chữ này gốc gác ở sách Luận- ngữ, đây dùng để chỉ về sự tịch-diệt của đạo Phật.

Giải nghĩa

Bài này ý nói : Hu-vô vốn là một lẽ mầu-nhiệm, hàng ngày người ta vẫn thường tán-dương. Với thế gian, lẽ ấy cũng như ngọn gió êm-hòa, nó thôi đến đâu, mát mẻ đến đấy. Cùng xưa lẽ đó, tức là cõi « im-lặng không làm gì ». Người đời, ai ai cũng biết « im-lặng không làm gì » là cõi rất vui. Khi nào tôi được cõi « im-lặng không làm gì » mới là nhà mình. Còn chỗ mình đương sống ở bây giờ, chỉ là một nơi ở tạm.

Phiên dịch
SẮP TỚI CỘI IM LẶNG

Hết vô lê ấy rất sâu xa,
Thôi dù nơi nơi, ngọn gió hòa,
Cánh cõi « không làm » ai cũng mến,
Được lên chốn ấy mới là nhà.

Đoàn-văn-Khâm
(Khoảng cuối thế kỷ XI)

Ông người đời Nhàn-lôn, làm quan đến chức
Công-bộ thương-thứ, chưa rõ quê quán ở đâu,
lý-lịch ra sao.

贈 廣 智 禪 師
TẶNG QUÀNG-TRÍ THIỀN-SƯ



挂錫危峯擺六塵
Trụ lích nguy phong bối lục tràn,
默居幻夢間浮雲
Mặc cư huyền mộng vẫn phủ vân,
殷勤無計參澄什
Ân cẩn vò kế tham Trừng, Thập,
索紲簪纓在鷺群
Sách bạn châm anh tại lộ quần.

Dẫn chú

Quảng-trí thiền sư : Một vị thiền-sư trong đời Nhâm-tân, họ Nhan, anh ruột bà Chương-phung hoàng-phỉ, quê ở Thăng-long, tu tại chùa Quán-dinh trên núi Không-lộ (?), đạo-hạnh rất cao, các quan trong triều đều phải kính phục.

Lục tràn : Tiếng của nhà Phật, chỉ về sáu thứ tục-niệm, cũng gọi lục-tắc (sáu giặc), tức là sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, cảm xúc và pháp thuật.

Phù oán : Mây nồi, chỉ về các đám mây bay trên trời, không phải dùng diều câu « ư ngã như phù xán » của Khổng-tử đã nói ở sách Luận-ngữ.

Trường Thập : Hai tên người, tức là Phật-dồ trường, Cưu-mô-la-thập. Đồ-trường người nước Thiên-trúc, học đạo Phật từ thuở nhỏ và rất tinh-thông về thuật huyền-hì. Trong đời nhà Tần, sang Tàu, đi theo Thạch Lặc, được tôn làm đại-hòa-thượng. La-thập người nước Quy-ty xứ Tây-vực, vào đất Trường-an nước Tàu nhằm dời Hậu-Tần, liền được Diên Hưng, vua nước Hậu-Tần, rất tin, có cùng các sư phiên dịch vừa kinh vừa luận đến ba trăm quyển, là thủy-lô của phái Tam-lô.

Lộ quan : Đàn cờ, chỉ về thứ tự các quan trong triều. Sách bắc-vật chí của Trương-Hoa có nói :

Giống cò, con nhỏ không vượt con lớn, bay có thứ tự, đó là tượng trâm quan đội mũ, đóng dài. Chữ « lộ quần » này dùng theo diền ấy.

Giải nghĩa

Bài này có ý tán dương Quảng-trí thiền-sư, đại-khai nói rằng : Quảng-trí thiền-sư chống gậy làm-xích tu-hành ở trên núi cao, im-lặng ở trong cuộc đời là cuộc huyền-mộng mà hỏi chuyện với những đám mây lơ-lửng trên trời. Thật là một người chân tu dắc đạo, chẳng kém gì Phật-dò-trirung và Cưu-mô-la-thập. Minh vẫn áu-cần muốn theo thiền-sư, mà không có cách nào theo được. Vì đã trót vướng vào trong đám mây-dai, như bị sợi giây buộc lại, không thể dùt ra. Đáng tiếc biết chừng nào.

Phiên dịch

TẶNG QUẢNG TRÍ THIỀN SƯ

*Chống gậy non cao tā bụi đời
Nằm trong mộng-huyền ngắm mây trời.
Áu cần khôn cách theo Trùng Thập,
Trót vướng bầy cò lớp mũ dai.*

VĂN QUẢNG TRÍ THIỀN SƯ

林櫳白首遁京城
Lâm loan bạch thủ độn kinh thành,

拂 袖 高 山 遠 更 馨
 Phật lù cao sơn viễn cảnh hinh.
 幾 願 淨 巾 趕 丈 席
 Kỳ nguyện tịnh khăn xu trượng lịch,
 忽 聞 遣 履 掩 禪 局
 Hốt văn di lý yêm thiền quynh.
 斋 庭 幽 鳴 空 啼 月
 Trai đinh u diều không dè nguyệt,
 墓 塔 誰 人 爲 作 銘
 Mộ tháp thủy nhân vị tác minh?
 道 侶 不 須 傷 永 別
 Đạo hữu bất tu thương vĩnh biệt,
 院 前 山 水 是 真 形
 Viện tiền sơn thủy thị chân hình.

Giải nghĩa

Bài này ý nói Quảng-trí thiền-sư trốn xứ dở. thị phồn-hoa, và ở rừng núi từ thuở trẻ đến khi bạc đầu. Vì rằng đạo-hạnh rất cao, cho nên dù đã rũ áo lên ở trên núi cao, mà càng xa càng thấy tiếng thơm. Minh đường mong được đội một chiếc thanh-tinh của nhà chùa, làm người học trò lui tới bên chiếu, bỗng đâu thiền-sư đã vội qua đời, chiếc giáp vẫn du của người còn bỏ lại đó mà cửa chùa thi khép lại rồi. Bây giờ ở sân nhà trai, chỉ còn tiếng chim vắng vẻ kêu dưới bóng trăng. Cái

tháp ở trên mộ người, cũng không có ai dè cho
bại mình đang cảm khái biết đường nào !
Nhưng mà thôi, các bạn tu hành cũng đừng
nên thương xót về cuộc vĩnh biệt ấy, người tuy
mất rồi, nhưng tinh thần của người vẫn còn gửi ở
sông núi, nước non trước chùa, tức là chân bình
của người đó.

Phiên dịch
VIẾNG QUẢNG TRÍ THIỀN SƯ

*Lảnh chợ, vảo rừng, tóc bạc phơ,
Non cao tǔ áo ngát hương thừa.
Chùm khăn nhung muôn hẫu bên chiếu,
Tréo giép đà nghe phép của chùa.
Trăng đợi sẵn trai, chim khắc khoải.
Tháp không bia chử, mộ thờ xá.
Bạn thiền thôi cũng dìng thương xót !
Non trước ngoài âm đó dáng xưa.*

追悼真空禪師
TRUY ĐIỆU CHÂN KHÔNG THIỀN SƯ

行高朝野振清風
Hành cao triều dã trấn thanh phong.
錫拄如雲暮集龍
Tích trụ như vân mây tập long.

仁 宇 忽 驚 崩 惠 棟

Nhân vữ hốt kinh băng huệ đỗng,

道 林 長 嘆 倦 貞 松

Đạo lâm trường thán yean trinh tòng.

墳 繁 碧 草 添 新 塔

Phun oanh bich thao thiêm làn tháp.

水 蘊 青 山 認 舊 容

Thủy châm thanh sơn nhận cựu dung.

寂 寂 禪 關 誰 更 叩

Tịch tịch thiền quan thùy cánh khẩu?

經 過 愁 聽 暮 天 鐘

Kinh qua sầu thính mờ thiên chung.

Giải nghĩa

Bài này khen Chân-không thiền-sư là bậc đạo hạnh cao siêu, thoát cao nết cả của người khiến cho trên triều-dinh và dưới thôn-quê đều phải nô-nức kính mến. Họa trời đến học rất đông, họ theo quanh gậy lâm-sích của người giống như mây di theo rồng. Bây giờ người mất, cửa Phật như bị gãy chiếc cột cái, rồng thiền như bị đỡ trời thông già. Kia đám cỏ xanh rổi-rít quanh cây tháp mới, đó là phần-mộ của người. Kia ngọn núi biếc ánh xuống dưới lèn nước trong, đó là hình dung của người. Phần mộ ở đấy, hình dung còn đấy, nhưng ngôi chùa của người trù-trí ngày

xưa, nay đã thành nơi quạnh-quẽ im lặng, không ai gõ cửa. Mỗi khi đi qua, nghe tiếng chuông chiểu rèn-dĩ, càng như khêu gợi mối sầu.

Phiên dịch

TRUY BIẾU CHÂN-KHÔNG THIỀN-SƯ



*Trào, quê nô-nặc, thói rao bay.
Gậy chõng như rồng quấn bong mây.
Phút chốc của từ cây cột đỗ,
Bùi-ngùi tiếng đạo gốc thông lay.
Mỗi quanh cổ biếc thêm từng tháp,
Nước chiểu non xanh nhặt nét mây.
Quanh quẽ âm mây, ai gõ cửa?
Chuông chiểu xa lắng dạ khôn khuday.*



XI — Không-Lộ thiền-sư (Khoảng cuối thế-kỷ XI)

Ông họ Dương, người ở Hải-thanh, nhà vốn làm nghề đánh chài, đến đời ông mới bỏ nghề ấy đi theo đạo Phật. Khoảng năm Chương-thánh-gia-khánh, ông vào tu ở chùa Hà-trach, thường hay đi lại với Giác-hải thiền-sư và nhiều đạo hữu khác.

Vì lòng say đạo, ông ngoài thi tuyệt hồn việc đời, trong thi hết sức tu luyện phép Phật, trải bao năm ăn cay, mặc cổ, quên cả thân mình.

Sách của nhà chùa có nói lại rằng **Sau khi** đắc đạo, ông có thể bay ở trên không, di ở mặt trời, có thể làm cho cọp phải cúi-núp, rồng phải hàng-phục, những sự kỳ-quái không ai lường được.

Ông mất nhăm năm Hội-tường đại-khánh thứ
mười, nhà vua có sai sứ rông ngồi chùa Ông ở và
quyên cho hai chục hộ để cung-dốn về việc
hương đèn.

言懷
NGÔN HOÀI

擇得龍蛇地可居
Trạch đắc long sà địa khăc cư,
野情終日樂無餘
Dã tình chung nhát lạc vô dư,
有時直上孤峯嶺
Hữu thì trực thượng cô phong đỉnh,
長嘯一聲寒太虛
Trưởng khiếu nhát thanh hàn thái hư.

Dân chú

Long sà: Rồng rắn. Chưa rõ diễn lich ở đâu.
Có người nói là kiều đất chõ tác giả ở, có người
cho rằng hai chữ « long sà » chỉ về những nơi
thấp-chũng lụt-lội. Chưa biết thuyết nào là đúng

Thái hư: Chỗ rất trống rỗng, tức là bầu trời

Giải nghĩa

Bài này tác-giả tự tả khi-tượng ung-dung của
mình, ý nói : Cái đất hang rồng, lò rắn, đối với

minh là chỗ rất hợp, có thể ở được. Chọn được
 chỗ ấy mà ở, mỗi tinh thần quê khiếu minh vui
 vẻ suốt ngày. Những lúc vô sự, có khi lên thẳng
 đỉnh núi, chumm mồi thòi một hồi sáo. Núi cao,
 cảnh vắng, tiếng sáo như làm lạnh cả bầu trời.
 Phóng khoáng biết chừng nào !

Phiên dịch

*Lựa nơi riêng rắn dắt xa người,
 Cả буди tình quê những mảng vui.
 Có lúc thẳng lên đầu núi thăm,
 Một hơi sáo miêng, lạnh bầu trời.*

XII — Đạo-hạnh thiền-sư

Ông họ Từ, tên tục là Lộ, con viên Tăng-quan
đô-án Từ-Vinh.

Thưa còn trẻ tuổi, Từ Vinh trọ học ở làng
Yên-Lãng (tục gọi làng Láng), có lấy một người
con gái họ Tăng, bèn theo quê-quán tại đó.

Đạo-hạnh lúc là con của Tăng thị đẻ ra, bồi
còn ít tuổi, tính rất hào hiệp và lại khảng-khai
cố chí lớn. Thường thường làm bạn với một
người Nho-già tên là Phí-sinh, một người đạo sĩ
tên là Lê-Hoàn và một người phường trèo tên là
Vi-Ất. Bấy giờ Đạo-Hạnh đêm thì kỳ cục xem
sách, ngày lại tèo sáo, đá cầu, đánh cờ. Từ Vinh
thường vẫn quở mắng về tội biêng nhác.

Một hôm, tình cờ nhòm vào chỗ nằm của con,
thấy ngọn đèn đã tàn, sách vở chất đầy bên cạnh,
Đạo-Hạnh đương gục trước án mà ngủ, trong
tay còn cầm quyển sách, tàn đèn rơi rụng đầy cả
mặt áo, Từ-Vinh biết là con rất chăm học, mới
không lo nữa.

Cách đó ít lâu, nhà vua có mờ kỳ thi tǎng-quan, Đạo-Hạnh trúng tuyển, đã được bồ một chức gì đó.

Sau đó, Tứ-Vinh vì sự trái ý với Diên-thành hầu, bị hồn mượn pháp-sư Đại-Diên đánh chết. Đạo-hạnh muốn trả thù cho cha; đã định sang tận Án-dộ học thuật linh-dị để giết Đại-Diên. Nhưng khi đi tới xứ mọi Rồng vàng (?), vì thấy đường xá hiểm-trở, lại phải trở lại. Rồi vào庵 ở hang Tứ-son chuyên tâm tu đạo và luyện pháp thuật. Sau khi giết được Đại-Diên, Đạo-hạnh ở luôn trong chùa Thiên-phúc. Cuối đời Hội-tưởng đại-khánh thi mất. Sứ chép lúc ấy Đạo-hạnh hóa kiếp để dang sinh làm con Sùng-hiền-hầu, các sách còn nói nhiều chuyện hoang đường hơn nữa, nhưng đây lược đi.

答 喬 智 支 間 眞 心 DÁP KIỀU-TRÍ HUYỀN VĂN CHÂN TÂM

玉 壇 秘 聲 演 妙 音

Ngọc ly bí thanh diễm diệu âm,

箇 中 滂 目 露 禪 心

Cá trung mǎn mục lò thiền tâm.

河 沙 境 是 普 提 境

Hà sa cảnh thị Bồ Đề cảnh,

擬 向 菩 提 隔 萬 尋

Nghĩ hướng Bồ Đề cách vạn liVm.

Dẫn chú

Hà sa : Đã chua ở trên.

Bồ đề : Tiếng của nhà Phật, cũng như chính giác, nghĩa là thấu rõ chân-dế, tới cõi giác-ngộ.

Giải nghĩa

Bài này ý nói : Trong cái thân thể băng ngọc của Phật vẫn có những tiếng huyền-bí diễu ra những âm mầu nhiệm; ở đó, lòng thiền lộ ra rất rõ ràng. Khoắc những thế giới nhiều như hột cá bén sông, chỗ nào cũng là cõi chính giác. Tuy vậy, muốn đi tới cõi chính giác, cũng phải cách hàng muôn tám.

*Phiên dịch***ĐÁP KIỀU TRÍ HUYỀN HỎI VỀ CHÂN TÂM**

Mình ngọc vang đưa tiếng ảo-huyền.

Ở trong vẫn lộ tấm lòng thiền.

Cát sông dành cõi Bồ-đề đó,

Muốn tới, còn xa mấy dặm nghìn.

示寂

THỊ TÍCH

秋來不報雁來歸

Thu lai bất báo nhạn lai qui,

冷笑人間暫發悲

Lanh tiếu nhân gian tạm phát bi.

爲 報 門 人 休 戀 著

Vì báo mòn nhanh hưn luyến chước,
古 師 幾 度 作 今 師
Cò sư ký độ tác kim sư.

Giải nghĩa

Lúc sư Đạo-Hạnh sắp mất, dồ-dệ nhiều người khóc lóc thương tiếc, ông có bảo với họ rằng Ta vẫn chưa hết túc-duyên, còn phải sinh xuống thế gian. Nay bấy tạm biệt để hóa làm kiếp quốc-vương, và khi hết thọ, còn phải làm vì thiên-tử ở thế-giới thứ ba mươi ba. Bao giờ chân thân tàn-diệt, thì ta mới thật vào cõi nát-bản, không ở trong vòng sinh diệt. Bài này thuật theo ý đó, đại khái nói rằng: Người đời sống thác cũng như thi-tiết thay đổi, mùa hè hết thì mùa thu về. Cái lúc mùa thu sắp tới, không bao giờ báo tin cho những con nhạn cùng theo. Ta nay cũng vậy, không thể đem được các người cùng đi. Nhưng ta qua đời chỉ là chuyện đời kiếp này sang kiếp khác, không có gì đáng thương xót. Ai thương xót ta người ấy thật không hiểu lẽ, khiến ta không khỏi cười tít. Vậy ta khuyên các mòn đồ, không nên quyến luyến làm chi. Từ xưa đến nay, ta đã hóa kiếp nhiều lần rồi. Sự đời kiếp của ta, chỉ là một sự rất thường.

Phiên dịch

*Thu về chẳng báo nhạn theo bay,
Cười nhạt người đòi uổng xót vay.
Thôi hối mònidd đừng quyền luyến,
Thòg xưa mắng lượt kúa thày nay.*

XIII — Giác-hài thiền sư

(Khoảng cuối thế kỷ XI)

Ông họ Nguyễn, người ở Hải-thanh, thủa nhỏ
rất thích những nghề câu cá, đánh chài. Thường
thường dùng chiếc thuyền nhỏ làm nhà, lênh đênh
chơi khắp sông biển. Năm 25 tuổi, mới bỏ nghề
đó đi tu. Lúc đầu ông cùng sư Không lộ cùng ở chùa
Hà-trach, về sau chính ông lại nối tông-phái sư ấy.

Đời vua Nhân-tôn, ông và Thông-huyền đạo-nhân
cô lần đã cùng bị vời vào hầu. Ngài có làm thơ
khen ngợi cả hai và vẫn coi ông là bậc thầy. Mỗi khi
ra chơi Hải-thanh, ngài đều vào chùa ông trước.

Sang đời Trần-tôn, ông cũng luôn luôn bị đòi
vào triều, nhưng đều chối là già yếu không thể
tới được.

Khi mất, nhà vua quyên hai chục hộ để cung
hương hỏa và phong cho hai người con trai
làm quan.

示 疾

THỊ - TẬT

春來花蝶善知時,
 Xuân lai hoa diệp thiện tri thi.
 花蝶應須共應期,
 Hoa diệp ứng tu công ứng kỳ.
 花蝶本來皆是幻,
 Hoa diệp bản lai gai thí huyễn.
 莫須花蝶向心持,
 Mạc tu hoa diệp hướng tâm trì.

Giải nghĩa

Bài này có ý muốn cảnh bướm hoa để nói về sự sống thác. Sự sống thác với vũ trụ cũng như hoa bướm với mùa xuân. Khi mà mùa xuân đã tới, ấy là hoa sẽ đua nở, bướm sẽ bay ra. Hoa nở hay tàn, bướm đi hay ở, bao giờ cũng đúng kỵ. Nhưng hoa với bướm chẳng qua là cảnh huyền già, chờ bên đê bụng làm chi. Sự sống thác của đời người cũng vậy: còn nghiệp duyên thì sống, hết nghiệp duyên thì thác. Thác hay sống đều không phải là thực-tượng của vũ trụ, không nên cho là chuyện quan hệ.

Phiên dịch

THỊ - TẬT

Xuân sang hoa bướm khéo quen thi,
 Bướm liệng, hoa cười vẫn đúng kỵ.
 Nên biết bướm hoa đều huyền-ảo,
 Thấy hoa, mặc bướm, đê lòng chi?

XIV - Viên-học thiền-sư (Khoảng đầu thế-kỷ XII)

Ông họ Hoàng người làng Nhu-nguyệt, ở chùa Đại-an huyện Tế-giang (nay là huyện Văn-giang, thuộc tỉnh Bắc-ninh). Thừa nhở, chuyên học sách ngoại, đọc kẽm các thứ đồ-diễn. Vì nghe một câu của sư Chân không, trong bụng lự thay mở rộng, từ đó ông theo về thiền-học. Về sau, ông rất linh về nghi luật, giới hạnh càng ngày càng cao. Quanh năm chỉ khoác một tấm cà-si, mùa rét cũng như mùa nực. Các bạn thiền làm mến tiếng, chống gậy tam-xích di theo rất đông. Tùy theo sức-lượng từng người, ông đều dạy bảo đến nơi đến chốn. Cho đến những việc đắp đường, bắc cầu, việc gì ông cũng lấy mình làm gương cho người. Lúc già, ông có sửa lại chùa Quốc-thanh ở làng Phù-cam và đúc một quả chuông lớn. Đến năm Thiên-chương bão táp thứ tư thì mất. Thọ 64 tuổi.

聞 鐘

VĂN CHUNG

六 識 常 昏 終 夜 苦

Lục thức thường bón chung da khò

無 明 被 霽 久 迷 慶

Vô minh bị phù cátu mè dung

盡 夜 聞 鐘 開 覺 悟

Chù da vǎo chung khai giác ngộ

懶 神 净 却 得 神 通

Lǎn thần tịnh khước dắc thần thông

Dᾶn châ

Lục-thức: Tiếng của nhà Phật chỉ về sáu thứ cảm-biết do sâu cẩn sinh ra, tức là những sự cảm-biết của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân-thề và ý-nghĩ.

Vô minh: Không sáng, tiếng của nhà Phật, chỉ về sự ngu-ngây, tối-tăm, không có cái biết, cái sáng chán-chịnh.

Gái nghĩ

Bài này ý nói: Người đời chỉ vì sáu thứ cảm-biết mờ tối, nên phải khò não thân đêm, lại vì bị sự ngu-ngây che lấp, nên thành mè muội, biếng-nhác. Nhưng nếu đêm ngày được nghe tiếng chuông của Phật đồng-dâ, mờ-maogn sự tinh thức cho, thì thân lười tự-nhiên trút hết, rồi cũng có thể tái bậc thân-thông, chứ không ngoại gì.

Phiên dịch
Nghe tiếng chuông.

Sau cǎn ǎm-ǎnh, khẽ đêm dài,
 Ma tết xai ra biểng-nhác hoài.
 Hôm sớm nghe chuông hồn lì inh thức,
 Thần-thông được gấp, hết thẩn lao-i.

XV — Đạo-huệ thiền-sư

(Khoảng giữa thế kỷ XII)

— 306 —

Ông người thôn Chân-bé, làng Như-nuyệt, họ Âu, tu ở chùa Quang-minh núi Tiên-phúc trong huyện Tiên-du, tướng mạo đoan trang, tiếng nói rất trong trẻo. Năm 25 tuổi đến ở với Ngũ Pháp-Hòa trong chùa Phù-minh, ông thường hỏi trộm về đạo Phật và hiểu được chỗ sâu-sa của đạo ấy, liền tu ngay ở chùa đó. Luôn trong sáu năm, sườn không bén đến mặt chiếu. Học trò theo học tối hơn nghìn người, danh tiếng lừng lẫy chốn kinh-sư. Vua Anh-tôn rất mến, mời ông vào ở trong chùa Bảo-thiên. Trong khoảng mười ngày, công khanh vì lòng kính-trọng mà đến thăm viếng không biết là bao nhiêu người. Ông bèn mở trường giảng-diễn ở đó. Đến năm Chinh-long bảo tàng thứ mười thì mất.

示 疾
THỊ TẬT

色 身 與 妙 體

Sắc thân dũ diệu thè,

不 合 不 分 離

Bất hợp bất phân ly.

若 入 要 甄 別

Nhược nhân yếu nhân biệt,

爐 中 花 一 枝

Lò trung hoa nhất chi.

Giải nghĩa

Theo trong kinh Phật, thi Phật có khi hiện ra thân có màu sắc, có khi chỉ là cái thể linh diệu. Bài này giải về lẽ đó, ý nói: Cái thân có màu-vẻ và cái thể rất linh-diệu đều là Phật cả. Nhưng hai thứ thân thể không hợp lại làm một cũng không thể chia ra làm hai. Nếu ai có muốn tách bạch, thi nên tưởng tượng như một cành hoa nở trong lò lửa.

Phiên dịch

BỊ BỆNH

Thân màu và thè nhiệm,

Không hợp, chẳng chia phôi.

Nếu ai muốn tách-bạch,

Lò lửa bong hoa cười.

XVI — Bảo giám thiền-sư

(Khoảng giữa thế kỷ XII)

Ông họ Kiều, tên tục là Phù, người làng Trung-thụy. Tính rất trung-tín thành - thực và rất đam mê
đam giản-dị. Thừa nhở theo về nghiệp Nho, những
bộ Thi, Thư, Dịch, Lễ, bộ nào ông cũng nghiên
cứu kỹ-càng, chữ viết rất tốt. Đời vua Anh-tôn,
ông làm quan đến chức Cung-hậu xá-nhân. Năm
ba mươi tuổi, bỏ quan vào chùa Văn-bảo cắt
tóc đi tu. Bao nhiêu kinh sách, đều do tay ông viết
ra. Khi chủ chùa ấy qua đời, ông liền nối nghiệp
trú-trì ở đó. Những cách tự phung của ông cực
kỹ đam bạc, suốt năm chỉ mặc áo gai, áo gió, trong
minh không định đến một sợi tơ. Công việc tu-hành,
không bao giờ có vẻ lui-nhụt, chê-ái. Đến năm
Chính-long bảo-ứng thứ 11 thì mất.

將 圓 積
TƯƠNG VIÊN TỊCH
第 一
ĐỆ NHẤT

得 成 正 覺 等 憑 修
Đắc thành chính giác bằng tu,
祇 爲 牢 籠 智 慧 優
Chỉ vì lao lung tri tuệ ưu.
認 得 摩 尼 玄 妙 理
Nhận đắc mò ni huyền diệu lý,
正 如 天 上 顯 金 鳥
Chính như thiên thượng biến kim ô.

第 二
ĐỆ NHÌ

智 者 猶 如 月 在 天
Trí giả do như nguyệt tai thiên,
光 含 墓 刹 照 無 僞
Quang hàm trùn sát, chiếu vô thiên
若 人 要 識，須 分 別
Nhược hanh yết, tu nhán biệt.
嶺 上 扶 疎 鎽 幕 煙
Lĩnh thượng phù sô lòa mờ yên

Bí khảo

Bài thứ nhất, câu thứ hai, chữ 卍 篠 (lao tung) chưa rõ nghĩa gì, có lẽ là do chữ khác làm ra.

Dân chú

Mà ni Tiếng Phạn, chỉ về các thứ châu báu. Bởi những châu báu sáng-sủa sạch-sẽ, không bị bụi bám vào, cho nên người ta thường dùng để vi với sự mầu-nhiệm của đạo phật.

Kim đ: Ác vàng, quạ vàng. Tức là mặt trời. Sách Hoài-nam lử nói trong mặt trời có một con quạ ba chân. Người ta dùng tiếng «quạ» tiếng «ác» để nói bóng về mặt trời là gốc ở đó.

Trí già Tức là chư phật.

Giải ngắt

Trước khi làm mấy bài này, tác giả có bảo với học trò rằng: Lên bậc tôn-thừa là nhờ ở sự siêng - năng, nhưng mà thành được chính-giác thì phải nhờ ở tri-tuệ. Ví như đứng ngoài trán thuộc mà bắn, tới được là nhờ sức khỏe, trúng được thì không phải vì sức khỏe. Hai bài này diễn theo ý đó. Bài trên nói: Thành được chính-giác không phải chỉ nhờ ở công tu-bành siêng năng, còn phải trông về trí-tuệ cao siêu nữa. Người nào nhờ có tri-tuệ cao siêu mà nhận được lê luyễn - diệu của đạo Phật, thì người ấy

cũng như mặt trời mọc ở trên trời, ánh sáng soi khắp vũ-trụ. Bài thứ hai nói: Chư Phật giống như mặt trăng ở trên trời, ánh sáng bao bùm bụi cát, chiếu xuống trần gian, không riêng nơi nào. Nếu ai muốn hiểu đạo Phật, thì phải phân biệt cho rõ thế nào là chân-dế, thế nào là không phải chân-dế. Nhưng sự phân biệt ấy thật không dễ dàng. Cũng như những lúc trời chiều đứng ở dãy xa trông dáu khói hơi mù mịt bốc ở ngọn núi, kia mà biết rõ chỗ nào là núi, chỗ nào là khói.

Phiên dịch

SẮP TỊCH

BÀI THỨ NHẤT

*Thánh Phật khôn riêng súc dùi-mái
Phải nhờ trí tuệ tốt xa vời.
Nhận ra đạo Phật nơi mầu nhiệm,
Chẳng khác trên không tỏ mặt giới.*

BÀI THỨ HAI

*Phật tựa vàng trăng ở giữa trời,
Ánh lồng bụi cát chiếu dài nơi.
Nếu ai muốn hiểu, nên phân biệt,
Man-máu non chiếu bóng khói hơi.*

XVII—Khánh-hỷ thiển-sư

(Khoảng giữa thế kỷ XII)



Ông người làng Cồ-giao quận Long-biên, họ Nguyễn, ăn tray từ thuở còn nhỏ. Khi lớn lên đi học sư Bản-tịch ở el ủa Chúc-thánh. Vì không hiểu những nhời Bản-tịch giảng bảo, ông mới bỏ chùa Chúc-thánh đến chùa Vạn tuế xin học sư Thiện tài. Sau khi hỏi biết ăn do, sư Thiện-tài khuyên ông nên về học sư Bản-tịch. Nhờ sự tận tâm giày béo của sư ấy, chẳng bao lâu danh tiếng của ông dồn khắp các trại túng lâm. Khoảng năm Thiện-chương bảo-tự, vua Anh-tôn đài ông tới kinh. Nhận thấy ông ứng đối vừa ý, ngài mời phong làm chức Tăng-lục, rồi thăng lên chức Tăng-thống. Đến năm Đại-dịnh thứ ba thì mất, thọ 76 tuổi.

答 法 融 間 色 空 凡 聖
 ĐÁP PHÁP DUNG VĂN SÁC KHÔNG PHÀM THÀNH

勞 生 休 問 色 兼 空

Lao sinh hưu vẫn sắc kiêm không,

學 道 無 過 訪 祖 宗

Học đạo vô qua phỏng tổ tôn.

天 外 覓 心 難 定 體

Thiên ngoại níjeh tâm nan định thể,

人 間 植 桂 峯 成 叢

Nhân gian thực quế khởi thành lồng?

乾 坤 盡 是 毛 頭 上

Kiền khôn tận thị mao đầu thượng,

日 月 包 合 苞 子 中

Nhật nguyệt bao hợp tử trung.

大 用 現 前, 拳 在 手

Đại dung hiện liền, quyền tại thủ.

誰 知 凡 聖 與 西 東

Thùy trì phàm thánh dù tây đông?

Giải nghĩa

Theo trong bản truyện, úc ấy Pháp-dung hỏi tác giả rằng: Những người hiền tu ấy được cái sắc không, thì là bậc phàm hay là bậc thánh? Tác giả không đáp rõ đó và đọc luôn mấy câu này: Xét trong nhời văn, bài câu thứ ba thứ tư và bài câu thứ bảy

thứ lâm, rất không rõ nghĩa. Lấy ý mà nhận, có lẽ tác giả muốn nói như vậy : Cái người mới bước vào đường tu-hành, còn phải khổ-nhọc lật-đật về đời sống, thì chưa thể nói đến lẽ sắc không là lẽ rất cao trong đạo Phật, phải nghĩ sự học đạo cái dã. Trong việc học đạo không gì cần bằng dò-hỏi tò-tông của đạo minh học. Phải giữ cõi lòng cho thật yên-lặng, không nên suy-xét những điều viễn-vông. Phải giữ tâm thân cho thật trong sạch, không nên gần gũi với chuyện thế-tục. Vì nếu dè lòng suy-xét những điều viễn-vông, ấy là mình kiểm lòng mình ở ngoài bầu trời, không biết thế nào là định thế, mà kẻ tu-hành lại gần gũi với chuyện thế-tục, thì không khác gì đem cây quế ở cung trăng trổng xuống cõi trần, không bao giờ mà thành khóm được. Lại phải hiểu rằng : khi đã trải qua nhiều kiếp lù, mà lên tới cõi nát-bèn, thì thấy vũ-trụ chỉ là bộ-phận rất nhỏ, trời đất có thể đặt lên đầu sợi lông, mặt trời mặt trăng có thể thu vào trong một hột cải, then máy mầu nhiệm của tạo-vật có thể nắm ở trong tay. Lúc ấy những chữ « phàm », « phảm », « đòng », « tày », đều không đủ để bình dung sự siêu việt đó. Nhưng đó cũng là giải tạm, chưa chắc có đúng hay không. Hãy ghi lại đó, để chờ tra cứu.

*Phiên-dịch*TRÀ LỜI PHÁP DUNG HỎI VỀ
SẮC KHÔNG PHẠM THÀNH

*Nhạc dời chỉ nói sắc và không?
Học học gì hơn hỏi lồ tông?
Man-mác ngoài trời, lòng khó kiểm.
Ngắng- nghiu đất tục, quẽ khôn tròng,
Kiền-khon rát lại đầu lòng siu,
Nhật, quyết ném quanh hạt cài móng,
Việc cù hiện bầy, tay vẫn nắm,
Ai hay phạm thánh với lấy đóng?*

XVIII—Bản-tính thiền sư

(Khoảng cuối thế kỷ XII)

Ông họ Kiều, người xóm Phù diễn, làng Vinh-khang, thủa nhỏ rất ham học, hiểu thấu lẽ sống thác của đạo Phật, và thông hết thuyết nhân-nghĩa của đạo Nho. Theo học Mân giác thiền-sư, sơ-đắc nhiều lầm.

Trong năm thứ ba hiệu Đại-dịnh, ông vào tu tại chùa Bình-dương trên núi Chí-linh, bấy giờ có quan Hữu-bật Nguy-quốc-Bảo kinh mến phong đức của ông, vẫn tôn ông làm bậc thầy. Chẳng bao lâu, ông lại nhận nhời mời của một viên quan trong triều, bèn tới trụ trì ở chùa Kiên-an Đầu biệu Trinh nguyên thi mất.

示 衆
THỊ CHÚNG

幻 身 本 自 空 寂 生
Huyễn thân bản tự khóng tịch sinh
猶 如 鏡 形 像
Do như kíh hình tượng,
覺 了 一 切 空 幻 身
Giác liễu nhất thiết khóng huyễn thân,
須 央 証 實 相
Tù du chứng thực tướng.

Giải nghĩa

Bài này ý nói: Cái thân người đời, vốn ở trong chỗ hư vô tịnh mịnh sinh ra, cũng giống hình tượng như trong gương, chỉ là cảnh giả mà thôi. Khi nào cái thân không huyền ảo giác-ngộ tất cả, thì trong phút chốc, cái tướng chân-thực sẽ hiện ra liền.

Phiên dịch
BÀO VỚI MỌI NGƯỜI

Tự noi khóng tịch có thân minh.
 'Mèng-tuong trong gương bóng với hình
 Cảnh huyễn một khi đã lì th-thực
 Giây lâu, tướng thật hiện rành-rành

XIX—Tinh giới thiền-sư

(Khoáno cuối thê kô III)

Ông người làng Giang-mão, họ Chu tên tục là Hải, con nhà hèn-vì, nhưng tinh hạnh rất thuần-hòa trung-hậu. Thưa nhò vẫn theo đạo Nho, đến năm hai mươi sáu tuổi mới quyết chí xuất-gia và xin theo học một người kỳ túc ở ngay trong làng. Khi nghe núi Lăng là nơi thanh-u vắng-về có thè ở được, ông bèn chống gậy rời một ngôi chùa ở đó, tập luyện trong bảy năm. Lúc gặp hai sứ Viên-minh, Bảo-giác, nói đâu ông liền nhận ra đến đây. Trong năm Trinh-phù thứ tư, nhà vua làm xong ngôi chùa Chân-giáo, ông bị đòi vào kinh-dò dự hội khánh-tán. Kế đó ông lại về quê sửa lại ngôi chùa Thành-bà, quyên tiền đúc một quả chuông. Đến năm Tri-binh long-ứng thứ ba thì mất.

示寂
THỊ TỊCH

秋來涼氣爽胸襟
Thu lai luong khi sang hung khâm.

八斗才高對月吟
Bát đầu tài cao đối nguyệt ngâm.

堪笑禪家癡鈍客
Kham tiếu tibiền-gia sy độn khách,
爲將何語作傳心?
Vì lương hả ngữ tác truyền tâm?

Dẫn chú

Bát đầu: Tâm đầu. Tạ linh-vận đổi Tắc thường nói: Góp cả tài của thiên-bà chỉ có một bệ, Tào tử - Kiến được tâm đầu, ta được một đầu, còn thiên-hạ được một đầu. Câu này dùng diễn đùa nói về tài làm thơ.

Giải nghĩa

Theo nghĩa đen, bài này có thể giải là: Khi mà mùa thu đã tới, khí mát làm cho lòng dạ sáng-sủa, những người giỏi thơ như Tao-Thực, có thể đổi bóng trăng mà ngâm thơ. Chỉ cười cho m nh là kẻ ngày-dộn ở cửa thiền, không biết nên lấy câu gì mà truyền đạo-học lại cho học-trò. Nhưng chưa rõ hai câu thứ nhất thứ hai, tác-giả muốn nói gì.

Phiên dịch

THỊ TỊCH

*Em-dìa hơi thu mát rỗi lòng,
Tài thơ ngâm chơi bông trắng trong,
Cảm thiền những hẹn người say đắm,
Bè lại câu gì? Ít g'í chưa thông.*

XX – Quảng-nghiêm thiền-sư

(Khoảng giữa thế-kỷ XII)

Ông họ Nguyễn, người ở Ban-phương, bồ cát
cha mẹ từ thuở còn bé, vẫn theo người cậu tên
là Bảo-giác, đè học đạo thiền. Sau khi Bảo-giác
qua đời, ông mới « hành bước » bốn phương, chơi
khắp các chùa. Nghe tin sư Tri giáng đạo ở chùa
Chúc-thành, ông liền đến đó xin ở. Chỗng bao
lâu, danh tiếng nòi khắp thiền-lâm, ông bèn vào ở
tại chùa Thánh-ân trong huyện Siêu-loại. Bấy giờ
có viên Bình-bộ thương thư là Phùng-dáng-Tường
nghe thấy danh tiếng, liền mời ông đến ở chùa của
mình. Lúc ấy ông đã phát huy rất rõ tôn-chỉ của
đạo Phật, bè bạn tới thăm, ai cũng được ông
giảng bảo ít nhiều. Đến năm Thiên-lư gia-thuy thứ
năm thì mất, thọ 69 tuổi.

示 疾

THỊ TẬT

離寂方言寂滅去
 Ly tịch phuông ngôu tịch diệt khứ,
 生無生後說無生
 Sinh vō sinh hậu thuyết vō sinh.
 男兒自有衝天志
 Nam nhi tự hữu xung thiên chí,
 休向如來行處行
 Hưu hướng Như-lai hành xứ hành.

Dân-chú

Như-lai: Tên hiệu của Phật. Theo kinh Kim-cương, vì Phật không phải từ nơi nào đến, mà cũng không hề đi đến nơi nào, cho nên gọi là **Như-lai**.

Giải nghĩa

Bài này ý nói: Bao giờ mình lìa được cõi tịch-diệt, bấy giờ sẽ nói chuyện tịch-diệt; bao giờ mình thoát được vòng luân-bồi, bấy giờ bấy nói chuyện vô sinh (không giáng sinh nữa). Làm tài trai tự mình phải có chí khi lòn lao như thế xông lên lưng trời, không cần phải đi vào chỗ đức phật Như-lai đã đi.

Phiên dịch

THỊ TẬT

*Thoát kẽp rồi bắn cầu tịch-diệt,
Không sinh hổ nói chuyện i siêú sinh.
Tài trai có chí xông trời-thảm,
Đảm vứt Như lai uông nhợc minh.*

XXI—Thường-chiếu thiền sư

(Khoảng cuối thế kỷ XIX)

Ông họ Phạm, người làng Phù-minh (tục gọi làng Nành). Trong đời Cao-tôn, đã làm đến chức Đô-tào. Sau ông bỏ quan xuất-gia, theo học Quảng-nghiem thiền-sư. Rồi ông đến chùa Ông-mặc (nay là làng Hương-mặc phủ Từ-son, tỉnh Bắc-ninh) tuýen-dương đạo Phật. Cách ít lâu, ông bèn ở hòn chùa đó, học-trò đến học, mỗi ngày mỗi đông. Đến năm Thiền-gia bảo-hựu thứ hai thì mất. Nghe nói ông có soạn một cuốn sách gọi là Nam-thiên tự-tháp dở, hiện nay sưu tầm chưa được.

心痛示衆
TÂM THỐNG THỊ CHÚNG

道本無顏色。
Đạo bản vô nhán sắc,
新鮮日日誇。
Tân tiên nhật nhật khoa,

大 千 沙 界 外。
Đại thiên sa giới ngoại,
何 處 不 爲 家?
Hà xứ bất vi gia?

Giải nghĩa

Bài này ý nói : Đạo Phật vốn là không có mầu
vẻ, chung mà ngày ngày người ta vẫn khoe cãi
về tưối-mới của nó. Nếu đã tu hành đặc đạo, thì
trong cái bầu thế-giới nhiều như hột cá, chỗ
nào chẳng là nhà mình ?

Phiên dịch

ĐAU BỤNG BẢO MỌI NGƯỜI

*Đau vốn không nhân sắc,
Ngày phô vẻ rực rỡ,
Ba nghìn đời hột cá,
Đâu đó chẳng là nhà ?*

XXII— Tri-thiền

(Khoảng cuối thế-kỷ XII)

Ông người cháu Phong, họ Lê, tên lục là Thước, con cháu Ngũ man vương đời Lê Đại-hành, Ông nội tên là Thuận, làm quan triều Lý, đến chức Trung-thư và được kết duyên với Kim-thành công chúa. Ông thân tên là Đạc, cũng làm lời chức Minh tự. Ông anh tên là Kiếm, được, bồ chức Tam nguyễn đỗ tuần-kiêm. Đến ông, thủa nhỏ vẫn theo về nghiệp trường ốc, đã có thi đỗ, được xung làm chức Cung-hậu thư-gia. Năm 27 tuổi, ông theo anh đến pháp-tịch của sư Giới-không nghe giảng kinh Kim-cương. Khi nghe đến câu « Hết thấy các phép do người làm ra, đều như giấc mơ, cảnh huyền, bọt nước, cái bóng, như hạt mót, lại như luồng chớp. Nên có quan-niệm như thế », ông liền cảm-ngộ và tự nghĩ thầm : « Năm sau đó của đức Như-lai, thật không phải là lời nói xuông. Tất cả các phép của thế-gian đều là hư-huyền, chỉ có đạo Phật là thật mà thôi.

Rồi đó, ông bèn cắt tóc vào chùa Từ-sơn, đêm ngày tu-luyện, khổ-bạnh luôn trong sáu năm. Đạo hạnh của ông càng ngày càng cao, người đến quy-y rất nhìu. Trong hai triều Anh-tân, Cao-tôn, ông đã nhiều lần bị nhà vua đài ra lâm quan, nhưng đều từ chối không đi.

Bấy giờ Thái-úy Tô hiến Thành và Thái-bảo Ngô hòa-Nghĩa đối với ông vẫn giữ lễ là bậc học trò. Nhưng luôn mười răm, cả hai đều chưa biết mặt ông, ra sao. Đến khi gặp ông, ai nấy mừng-rõ. Song lúc ấy ông đã già lắm, nói được vài câu thì mất.

示 太 尉 蘇 憲 誠
THỊ THÁI ỦY TÔ HIẾN-THÀNH

太 保 吳 和 義
THÁI-BẢO NGÔ HOÀ-NGHĨA

既 懷 出 素 養 胸 中
Ký hoài xuất tố dưỡng hung-trung.
聞 說 微 言， 意 悅 從
Văn thuyết vi ngôn, ý duyết-tòng.
貪 欲 驁 除 千 里 外
Tham dục truất trừ tbiển lý ngoai,
希 夷 之 理 日 包 容
Hy di chí lý nhật bao dung.

Dẫn chú

Hý di : Theo sách Trang-Tử, cái gì trông mà không thấy gọi là hý, cái gì nghe mà không thấy gọi là di.

Giải nghĩa

Bài này, câu đầu ý nghĩa không được rõ lắm, hình như tác giả muốn bảo bài ông Tô, Ngô như vậy. Đã muốn ra ngoài cõi tục, thì khi nghe lời bầyn điệu, nên vui lòng mà theo. Rồi phải đuổi sự tham-muốn ra ngoài nghìn dặm, và ngày ngày chứa chất những lẽ huyền-vi ở trong lòng mình.

Phiên dịch

BẢO THÀI - ỦY TÒ HIẾN THÀNH
VÀ THÀI - BẢO NGÔ HÒA - NGHĨA

Như m iõa lìa xa cõi bụi hồng,
Vâng ng e lời dặn, hãy vui lòng.
Đuổi ngoài nghĩa dặm nèn tham muốn,
Để lẽ huyền-vi chứa ở trong.

XXIII.— Hiện quang Thiền-sư *(Kháng cuối thết-ký III)*

Ông họ Lê, tên tục là Thuần, người thành Lăng-long. Tiếng nói êm ái, vẻ mặt sinh đẹp. Bồ câu từ thủa còn bé, ném dù mũi gian nao. Năm 11 tuổi được sư Thường-chiếu đem về nuôi và nhận cho làm học trò. Tính chất ông rất thông-minh, mỗi ngày đọc hàng vạn chữ. Không đầy mười năm, ông đã học kinh sách của tam giáo. Nhưng về tôn-chí của Thiền-môn, chưa kịp nghe-nhớ kỹ-càng, thì sư Thường-chiếu đã mất. Sau đó, mỗi khi biện-luận với ai, đều bị người ta bắt-bé, không trả lời được, bấy giờ ông mới hối-hận và tự than rằng « Minh cùng như con nhà đại phu, lúc cha mẹ còn, chỉ biết chơi bài lờ đênh, đến khi cha mẹ mất đi, thành ra mờ mịt mít-mít, chẳng biết của-cái của nhà đê đâu, rút lại, vẫn là một kẻ túng-thiếu ». Rồi đó, ông bèn đi khấp tùng-lâm, tìm thầy, tìm bạn.

Lúc được Tri-thông thiền-sư bảo cho một câu, ông liền giắc-ngộ, bèn xin thờ làm bắc thày. Kể đó, vì nhận một món dàn-thí của Hoa-dương công - chúa, những tiếng ơng ve nồi lén ầm ầm, ông tự nghĩ rằng : Nếu còn lui tới với đời, khó mà tránh khỏi nhục-nhã. Rồi ông vào luân trong núi Uyên-chùng, ở phủ Nghệ-an, theo học Pháp-giới thiền-sư. Luôn trong mươi năm, chỉ dùng lá cây làm áo. Sau vì muốn sửa một nơi duông lão, ông bèn đến vùng Tứ sơn, cắt ngôi nhà tranh mà ở. Vua Huệ-lôn có ý kinh mến, mấy lần sai sứ đến vời, ông đều không đi. Ở luân trên núi đến năm thứ 11 hiệu Kiến-gia thi mất.

答 僧 問
ĐÁP TẶNG VĂN

那 以 許 由 德
Nà dĩ Hùa - Do đức,
何 知 世 幾 春 ?
Hà tri thế kỳ xuân ?
無 爲 居 曠 野,
Vô vi cư kboáng dã,
逍 遙 自 在 人
Tiêu dao tự tại nhàn.

Dẫn chú

Hùa Do : Tên một lão-già ở đời vua Nghiêm.

Giải nghĩa

Theo trong bản-chuyện, lúc sứ Hiển-quang từ-chối lời vòi của vua Huệ-tông, có người sứ hỏi : Hoà-thượng ở trên núi ấy làm gì ? Hiển-quang liền đáp luôn mẩy câu này. Đại ý tỏ rằng : Minh đã có nết giống như Hứa-Do, thì còn biết đâu cuộc đời trải mấy mùa xuân ! Chẳng qua chỉ cốt im lặng ở chốn mộng-mênh bát-ngát, để làm một kẻ tiêu-dao tự-do mà thôi.

*Phiên dịch***ĐÁP LỜI HỎI CỦA MỘT NHÀ SỨ**

*Họ Hứa đường quen nết,
Bao xuân mặc cõi đời,
Mộng-mênh quăng đồng rồng,
Tùy ý tự đang chơi.*

XXIV — Tân văn

**遷都詔
THIỀN ĐÔ CHIẾU**

昔商家至盤庚五遷周
Tích Thương gia chi Bàn-canh ngũ thiền, Chu
室逮成王三徙，豈三代
thất dai - Thành - vương tam lỳ, khở tam đại
之數君俱徇己私，妄自
chi số quân cầu luân kí tu, vọng tự
遷徙？以其宅中圖大，爲
thiên lỳ ? Dĩ kí trạch trung đồ dai, vi
億萬世子孫之計，上謹
ür vạn thế tử tôn chi kế, thương cẩn
天命，下因民願，苟有便
thiên mệnh, hạ nhân dân nguyện, cẩn bùu tiễn
輒改故國祚延長，風俗
chiếp cải, cố, quốc tộ diệu trường, phong tục

富 卓 而 丁 黎 二 氏 乃 徇
phú phu. Nhì Bình Lê nǚi thí nǎi tuân
己 私 忽 天 命， 固 踏 商 周
kỷ tư, hốt thiên mệnh, vông đạo Thương Chu
之 迹， 常 安 厥 邑 于 茲， 致
chi tích, thường an quyết ấp vu tư, tri
世 代 弗 長， 算 數 短 促， 百
thế đại phất trường, toán số đoản xíc, bách
姓 耗 损， 萬 物 失 宜， 胥 苛 痛
tinh hao lỗ, vạn vật thất nghi, trẫm thâm thống
之， 不 得 不 徒， 况 高 王 故
chi, bất đắc bất lý. Huống Cao vương cố
都 大 羅 城， 宅 天 地 區 城
đô Đại la thành, trach thiên địa khu vực
之 中， 得 龍 蟠 虎 跳 之 勢，
chi trung, đắc long bàn hổ cù chi thế,
正 南 北 東 西 之 位， 便 江
chinh nam bắc đông tây chí vị, tiễn giang
山 向 背 之 宜， 其 地 廣 而
sơn hướng bối chí ngã, kỳ địa quang nhi
坦 平， 厥 土 高 而 爽 嵘， 民
thản bình, quyết thô cao nhì sảng khái, dân
居 疾 昏 塼 之 困， 萬 物 極
cư miệt bón diêm chí khốn, vạn vật cực

繁 阜 之 豐，遍 覽 越 邦，斯
 phồn phu chí phong. Biển lâm Việt-hàng, tư
 爲 勝 地，誠 四 方 輻 裝 之
 vi thắnz đị, thành từ phuong búc tǎn chí
 要 會，爲 萬 世 帝 王 之 上
 yến hoi, vi vạn thế đế vương chí thượng
 都。朕 欲 因 此 地 利 以 定
 đđ. Trả giục nban thủ địa lợi, dĩ định
 厥 居。卿 等 以 爲 何 如？
 quyết cư. Khanh dâng dĩ vi hà như?

Phụ lục

Trong năm Thuân-thiên thứ nhất (1010), Thái-tô vi thấy kinh đô cũ của hai nhà Đinh Lê ở Hoa-lư vừa hép hối lại vừa thấp-chỗng, muốn dời ra thành Đại-la (sau đổi làm thành Thăng-long), mới đem bài này để hỏi ý-kiem thần đầu. Tác-giả là ai, trong sử không thấy nói đến.

Dẫn chú

Thứ-tya già: Nhà Tương, một triều-dai đời cõ nước Tàu. (1765 – 1122 trước tây-lịch).

Bát-cử: Ông vua thứ 17 của nhà Tương.

Chu-thết: Nhà Chu. Một triều-dai đời trung cõ nước Tàu (1123 – 256 trước tây-lịch.)

Thành vương: Ông vua thứ ba của nhà Chu.

Tam đại: Nhà Hạ, nhà Thương và nhà Chu.

Cao vương: Túc là Cao Biền.

Đại la thành: Túc là Hà-nội bây giờ. Khi xưa Cao Biền đóng định đô-hộ ở đó.

Phiên dịch

BÀI CHIẾU DỜI KÊ - CHỢ

Xưa, nhà Thương đến và Bin ca inh năm lần dời, nhà Chu đến vua Thành-vương hai lần dời, há rằng măg vua trong hồi Tam-dai đó theo ý riêng mình mà tự cản bậy dời-iỗi hay sao? Chỉ vì muốn mua-toan nghiệp lớn, ở nơi chia th-giữ i, lo lâig sâ i cho con cháu muôn đời, trên vâng mệnh trời, dưới theo ý dân, nếu có hiếu lợi tal thay-dời liền, cho nên vận nước lâu-dài, phong-tục giầu-thịnh. Thế mà hai nhà Đinh, Lê lại cứ theo ý riêng mình, quên cả mịnh trời, không noi dẫu cũ của nhà Thương, nhà Chu, đê yên đô ấp ở đây, dến nô i triều dời k iông dài, sô-vâ i ngâ i-ngùi, trăm họ hao-sát, muôn-vật khôig hợp, trăm rât đau-dớn về chủ đó, không tiề không dời đi. Huống chi, thành Đại-la là kè chợ cũ của Cao-vương, ở giữa trời đất bờ cõi, được tăc rông bò hò ngòi, chỉ inh được ngồi vị của các miền nam bắc đồng tây, tiện sự ngánh vào quay ra cùa sôig núi, vùng đất của nó vừa rộng vừa bâig phảng, mực đất của nó vừa cao vừa sáng sủa, dân ở không phải lo về sự ngập lụt, muôn vật lại được rất mực tinhak giầu. Ngã n khăp đất Việt, chỉ có

*đây là thắng địa, thật là nơi hội họp then chốt của bốn
phường châu Jai, và là nơi đô-thanh bậc nhất của đế
vương muôn đời ! Trẫm muốn nhân cái địa-lợi ấy để
định cư ở, các người cho là thế nào ?*



臨終遺詔

LÂM CHUNG DI CHIẾU

朕聞生物之動無有不
Trẫm vẫn sinh vật chi động, và hữu bất
死死者天地之大數，物
tử. Tử giả thiên địa chi đại số, vật
理當然而舉世之人莫
lý đương nhiên, nhi cử thế chi nhân mạc
不榮生而惡死，厚葬以
bất vinh sinh nhi ố tử, hàn tang dĩ
棄業重服以損性，朕甚
khi nghiệp trọng phục dĩ tồn tinh, trẫm thàm
不取焉予既寡德，無以
bất thủ yên. Dư kỵ quá đức, và
安百姓及至殂落，又使
an hách tinh, cùp ebi tò lạc, bưu sứ

元 元 衰 麻 在 身 晨 昏 臨
 nguyễn nguyễn thoi ma tại thân, thân hôn làm
 哭, 減 其 飲 食, 絶 其 祭 祀.
 khóc, giảm kỳ ẩm thực, tuyệt kỳ tế tự,
 以 重 子 過, 天 下 其 謂 予 子
 dĩ trọng dư quá, thiên hạ kỳ vị dư
 何? 朕 悼 早 歲 而 嗣 大 寶.
 bá? Trâm diệu lão tuế nhi tự dài bảo,
 居 侯 王 上, 嚴 恭 寅 畏, 五
 cư báu vương thượng, nghiêm cung di úy, ngũ
 十 有 六 年, 賴 祖 宗 之 靈.
 thập hứu lục niên, lai tổ tông chi linh,
 皇 天 子 佑, 四 海 無 虞, 邊
 hoàng thiên phu hựu, tứ hải vô ngu, biên
 睡 微 警, 死 得 列 于 先 君
 thùy vi cảnh, tử đắc liệt vu tiên quan
 之 後 幸 矣, 何 其 興 哀? 朕
 chi hậu, hạnh hỷ, bà kỳ hưng ai? Trâm
 自 省 欽 以 來, 忽 娶 弗 豫.
 tự tinh hiêm dĩ lại, hốt anh phát dù,
 病 既 瘴 留, 恐 不 及 警 鐘
 bệnh ký di lưu, khùng băi cập cảnh tbé
 言. 嗣 太 子 陽 煥 年 已 周
 ngôn. Tự Thái - tự Dương - Hoán niên dĩ chu

紀，多有大度，明允篤誠。
 kỷ, đa hữu đại độ, minh doanh dốc thành,
 忠肅恭懿，可依朕之舊
 trung túc cung ý, kinh y tràm chi cựu
 典，卽皇帝位。肆爾童孺，
 diên, tức hoàng đế vị. Từ nhì dòng nhu,
 脳受厥命，繼體守業。多
 dàn thụ quyết mệnh, kế thê thù nghiệp, da
六前功，仍仰爾臣庶一
 dài tiền công, nhưng ngưỡng nài thàn thứ nhất
 心弼亮。咨爾伯玉，實丈
 tâm bát lương, Tư nhì Bá Ngọc, thực lượng
人器，節爾戈矛，預備不
 nhân khí, súc nhĩ qua mản, dự bì bất
 虞，毋替厥命。朕之嘆日，
 ngu, vô thể quyết mệnh. Trảm chí minh mục;
 無遺恨矣。喪則三日釋
 vô di hàn bý. Tang tắc tam nhật thích
 眼，宜止哀痛。葬則依漢
 phuc, nghi chỉ ai thống. Tàng tắc y Hán
 文儉約爲務，無別起墳
 Văn kiệm ước vi vu, vô biệt khôi phan
 陵，宜侍先帝之側。爾宜
 lăng, nghi thị tiễn dể chi trắc. Nhị ngobi

誠 意 祇 聽 蔽 言 明 告 王
 thành ý, chỉ thính trâm ngôn, minh cáo vương
 公 敷 陳 內 外
 công, phu trâm nội ngoại.

Phụ lục

Tháng chạp năm thứ nhất hiệu Tuyên-phù khánh-thọ (1127). Nhân-Tôn bị bệnh. Tưởng mình không thể qua khỏi, ngài bèn gọi Thái-úy Lưu khánh-Đàm vào cung, dặn dò các việc về sau. Bài chiêu này do ngài nghĩ ra rồi trao tay cho bón Khánh-Đàm, để bọn đó chuyển ra cho các đại-thần.

Dẫn chú

Dương Hoán: Tên vua Thành-tôn, con Sung-hiền hầu (em ruột Nhân-tôn). Vì Nhân-tôn không có con trai, mới lập cho làm thái-tử.

Bá-Ngọc: Tức là Lê bá-Ngọc, lúc đó đương giữ chức Vũ-vệ tướng-quân.

Phiên dịch

BÀI CHIÊU ĐỀ LẠI LÚC SẮP MẤT.

Trâm nghe: Các giọng sinh, vật biết cưa, không có giọng nào không chẽi. Chẽi là số cả của trái đất, lẽ phải như thế. Thế mà hết thảy người đời,

ai cũng thích sống ghét chết, có người đôn cần cho hậu đến hông co-nghiệp, có người đê thô cho iặng đến hại tinh tinh, trùm rật không ua. Ta đã ít đức không có cái gì làm yên tâm họ, nếu đến khi chết, lại bắt dân chúng nặc đồ sô-gai, sớm tối gao khóc, giảm sút ăn uống, nghĩ việc cung lè, đê tam iặng thêm cái lỗi của ta, thì thiên ra sao ta là người thế nào?

Tiám vẫn đau xót từ khi trời thương, cả phải rồi ngồi bau ion, ở trên các bậc hầu vương, nghiêm trang kinh sợ, năm mươi lẻ sáu năm trời. Nhờ sức linh-thiêng của tổ-tông, và sự lin giúp của hoàng thiên, ban bè không có chuyện gì p'ái la, biến thủy không có việc gì phải ngại, lúc chết được sắp hàng ở dâng sau đức tiên-quán ta may làm rồi, can gì mà phải thương xót?

Tiám từ khi đi coi dân-gian gặt hái đến nay, trong mình chợt thấy không yên. Bây giờ bệnh đã trầm-trệ, sợ rằng không kịp răn bảo. Vậy Thái-tử Dương-Hoàn tuổi đã vừa đầy một (1) kỳ, có nhiều độ-lượng lớn lao, lại có những nét sáng-suốt, tin-cần, trung-hậu, thanh-thực, ngay-thẳng, nghiêm-trang, cung kính, mềm-mỏng, có thể y theo phép cũ của tiám mà lên ngôi vua. Vậy gã trẻ thò kia, con phải kính vâng mệnh trời, nỗi lấy thề-thống, giữ lấy co-nghiệp, làm cho lớn thêm công-liệt của tiền-nhân, và phải nhớ vâng bầy tôi, kẻ dân của con giặc lồng giúp đỡ.

Lại hỏi Bá-Ngọc, người thực vẫn có khi-dỗ người lớn! Vậy hãy sắm sửa dòng giáo của người đê ngừa những sự xây râ. Đừng có bỏ nhăng mệnh lệnh của tiám!

Tiền năm mươi không còn phản nàn gì nữa.

Việc tang chế trong ba ngày phải bỏ áo chở, và thời hàn tuyết xót thương.

Việc chôn cất, thi cử theo cách tài-lien của vua Văn nhà Hán, không cần sady riêng lăng mộ, nên để trâu được hấu bên cạnh tiền-dề.

Các người ném thành-thực cung-kính mà nghe lời nói của trẫm, rồi bảo rõ cho các tước vương tước công, và bầy tôi với những người trong người ngoài!



禪位詔

THIỆN VỊ CHIẾU

自 古 南 越 帝 王 治 天 下
Tự cõi Nam - Việt đế vương trị thiên hạ

者 有 矣
giả hữu bý.

惟 我 李 受 天 眷 命，奄 有
Duy ngã Lý thụ thiên quyển mệnh, yêm bứu
四 海，列 聖 相 承，二 百 餘
tứ hải, liệt thánh tương thừa, nhì bách dư
年。奈 以 上 皇 嬰 疾，承 統
niên, nại dĩ thượng hoàng anh tật, thừa thống
無 人，國 勢 傾 危，命 联 受
vô nhân, quốc thế khuynh nguy, mệnh trẫm th

明 詔 勉 強 卽 位 自 古 以
 minh chiếu miễn cưỡng tức vị, tự cổ dĩ
 來 未 之 有 也.
 lai, vi chi hieu giã.

嗟 肢 罷 爲 女 主 才 德 俱
 Ta trâm ly vi nǚ. cbù, tài đức cát
 倾 輔 弱 無 人 盜 賊 蜂 起
 khuynh, phu bắc vô nhân, dào tặc phong khôi,
 安 可 秉 持 神 器 之 太 重?
 an khâ binh tri tần khi chí thái trọng?
 肢 夙 興 夜 寢 惟 恐 難 堪.
 Trâm túc hung dạ my, duy khung nan kham,
 每 念 求 賢 人 君 子 同 輔
 mỗi niệm cầu hiền nhân quán tử, đồng phu
 政 治 夙 夜 拳 拳 於 斯 極
 chính trị, lúc dạ quyền quyền ur tư cực
 矣. 詩 曰 君 子 好 逑, 求 之
 bý. Thi viết: quán tử bảo cầu, cầu chi
 不 得, 寢 瘫 瘫 思 服. 悠 哉 悠 哉.
 bất đắc, ngô my tư bắc. Du tai du tai!
 今 肢 反 覆 獨 算, 惟 得 陳
 Kim trâm phản phúc độc toán, duy đắc Trần.
 美, 文 質 彬 彬, 誠 賢 人 君
 Cảnh, văn chất bân bân, thành hiền nhân quân

子之體威儀抑抑有聖
 tử ebi thè; uy ngibi úc úc, hǔu thánh
 神文武之資雖漢高唐
 thánh vân vū chí tư; tuy Hán Cao Đường
 太未之能過想熟晨昏
 Thái vi chi năng quá. Tưởng thèc thánh hòn,
 驗之有素可遜大位以
 ngibiệtm ebi hǔu tó, k bà tòn dại vị, dĩ
 慰天心以副朕懷庶可
 úy thiên tâm, dĩ phò trâm hoái, thú khá
 同心戮力共扶國祚以
 đồng tâm lục lực, còng phù quốc tộ, dĩ
 享太平之福布告天下
 hường thái bình ebi phúc. Bố cáo thiên hạ,
 感使聞知
 bèm sủ vân tri.

Phụ lục

Bài này là lời bà Chiêu-hoàng tuyên-cáo thần-dân trước khi truyền ngôi cho Trần Thái-tôn (1225) không rõ của ai soạn ra. Ở Khâm-dịnh Việt-sử có sửa lại ít nhiều. Đây theo nguyên-văn của Đại-Việt-sử-Ký.

Dẫn chú

Thần khi Đồ thần, chỉ về ngôi vua. Lão tử có câu: « 天下神鬼不可爲也 (biên hạ thần khi bắt khà vi giả: đồ thần ở gầm trời, không thể làm ra được). Hai chữ « thần khi » góc gác ở đó. Đây là lời của một vị nữ chúa mà tác giả dùng hai chữ ấy hoặc giả cũng có ngu ý ẩn ở.

*Phiên - dịch***BÀI CHIẾU TRUYỀN NGÔI**

*Tù xưa, các đặng để vương nước Nam Việt đã
có coi trị thiên hạ.*

Nhà Lý ta vắng chịu mệnh trời, có cả bốn bề, các vị thánh - vương nối nhau hơn hai trăm năm. Không ngờ đức Thượng-hoàng mắc bệnh, chẳng có người nào nối dõi, thế nước sắp bị nghiêng đổ, ngoài mối sai trẫm vâng lời chiếu chỉ, gượng lên ngôi vua, thật là tù xưa đến nay chưa có bao giờ như thế.

Than ôi, trẫm là một vι chúa gái, tài đức dã
kém, giúp đỡ không có ai, trộm giặc nồi lén như ong,
giữ dinh sao nỗi một vật quá rặng là « đồ thần » đó?

Tiêm những sờn giụy khuya ngủ, chỉ sợ gánh
vác không nỗi, những muôn tim đặc hiền nhân quân
tử, cũng giúp chính trị. Sờn khuga trẫm vẫn canh-
cánh nghĩ về chỗ đó.

Kinh thi có nói:

« Người quân tử bạn tốt đời,

« Tim mà chẳng được bài ngài nhớ mong..

» Man-máu trong lòng.

Nay trẫm tinh di tinh lại^một mình, chỉ được
 Tiễn-Cảnh «văn chốt rõ ràng, thật là dũng hiền-nhân
 quân tử ; dũng điệu lợi lả, rõ ra trang văn vũ thánh
 thần», dẫu vua Cao-lô nhà Hán, vua Thái-lôn nhà
 Đường cũng không hơn gi. Trẫm đã hôm mai nghĩ
 kỹ, nghiệm xét từ lâu, có thể nhường cho ngài cả,
 để yên lòng trời, để vừa bụng trẫm. Ngõ hông giặc
 lòng gắng sức, cung phò ngài nước, để hưởng cái
 phúc thái bình.

Vậy nay bão khắp gầm trời, đều cho nghe biết.

KẾT LUẬN

Từ đây trở nên, tất cả 23 lác-gia, vừa văn-văn
xưa tản-văn trên ba chục bài, Trứ Thái-lôn, Nhân-
tôn và Đoàn văn-Khâm, bao nhiêu lác-gia đều là
thiền-sư ; và ngoài mấy bài tản-văn, bao nhiêu văn
đều là ca-tung thày chùa bay là thuyết-minh đạo
Phật, không có gì khác.

Thấy vậy chắc có nhiều người tưởng rằng: trong
đời nhà nhà Lý, Phật giáo đã choán cả nền văn-học,
Nho-giáo, Đạo-giáo (đạo-giáo của Lão-tử) đều không
được dự phần nào.

Sự thực không phải như thế.

Trong hai trăm năm nhà Lý, Phật giáo tuy có
thịnh-hèn, nhưng các giáo khác không phải là
không phát-đạt.

Riêng về Nho-giáo — ở đầu cuối này đã nói —
bấy giờ cũng đã có đủ số người đề dự vào các kỳ
thi, tất nhiên ở ngoài rừng thiền, cũng còn có nhiều
lác-phầm.

Cứ như trong sử đã nói, thì đời Nhân-tôn, trong
lúc nhà vua thăm dân cầy cấy trở về, Nho, Đạo,

Thích đều có dâng thơ mừng sự được mùa của năm ấy. Lại khi Thái-tôn vào đánh Chiêm thành, bắt được một bợn-nữ-nhạc đem về Thăng-long mua vui, hình như về sau cũng có đặt nhiều bài hát tiếng Ta phả vào nhạc-diệu của họ. Đó là những cơ sở rằng văn-chương đời ấy đã phát triển về nhiều phương diện, không phải chỉ có ở trong phạm-vi nhà chùa mà thôi. Nhưng mà những ảng văn kia hoặc vì binh hỏa thiêu dốt, hoặc vì thời gian tiêu-hoa, nó đã mai-một từ lâu. Những bài nay sở dĩ không bị nạn do đều là nhở súc duy-trí của các chùa chiền.

Bởi vì chùa-chiền có tiếng là nơi tữ-bi tinh-nich, lùa binh ít khi bén đến. Thêm được các nhà tu hành, phần nhiều lại sẵn có nết cần-thận, đối với sách vở dời trước, người nào cũng giữ một lòng tôn kính, không dám dạ-dật. Cho nên mấy bài thuộc về Phật-giáo mới còn đến ngày nay.

Bây giờ đọc lại các bài đã chép vào đây, nếu đem binh pharmor riêng từng bài một, đề lim lấy câu văn hay, cái kết quả thật không sừng đặng.

Có nhiên trong gần ba chục bài văn-văn, không phải là không có bài đặc sắc. Hai bài Đường-luật của Đoàn văn-Khâm nhời nhẹ chải chuốt, tinh tú-lâm-ly, những cách dùng chữ đặt câu cũng rất tinh luyện, có thể ví với thơ Văn-Đường. Rồi đến bài từ-tuyệt của Khổng-lộ, bài cò-phong của

Mân-giác, bài ngũ-ngôn Đường-luật của Thái-Tôn
mỗi bài đều có một vẻ hay riêng. Của Không-lộ hay,
về phiêu dật, của Mân-giác hay về hàn-học, của
Thái-lộn thì hay ở chỗ ý-tứ chúa-chan, các bài
đó có thể cho là tác phẩm ít thấy trong nghe-thơ.

Nhưng ngoài mấy bài đó, hầu hết là thơ lầm
thường, có bài lại không rõ nghĩa là khác.

Coi một chỗ đó dù thấy trong rừng văn-
chương hồi ấy, phái Nho-giáo đã tiến bộ hơn
phát Phật-giáo.

Trong mấy cuốn Việt-âm thi-lập, Toàn-Việt
thi-lục, Hoàng-Việt thi-tuyễn... soạn giả chỉ chọn có
mấy bài hay, những bài tầm thường đều bị lược
đi hết cả. Với những cuốn sách thuộc về tinh-
cách văn tuyễn, sự lựa lọc vẫn phải tinh tế như
thế. Nhưng cũng nên biết: các vị thiền-sư chỉ
là những người gõ mõ tụng-kinh, không phải
thi-sỹ, nghe-thơ lấy đâu được thạo như các ông
cử-tử là người có lập-làm-thơ? Hơn nữa, tác-
phẩm của các ông ấy, phần nhiều chỉ là lời
kệ, nó không được có vẻ thơ, cũng là một sự
đương nhiên, không thể cầu toàn trách bị.

Và chẳng, lịch-sử văn-học nhà Lý, giảng-giặc
hơn hai trăm năm, đến nay di-sản chỉ còn được
mấy chục bài. Nếu lại lọc lại một cách nghiêm
khắc, thì e không còn được bao nhiêu nữa. Vì
vậy, ở đây tìm được bài nào, tôi phải chép lại

bài ấy, để làm tài liệu cho sự khảo-cứu sau này, trừ ra những bài không có nghĩa lý thì đánh phai bỏ.

Về phần tản-văn, thì bài di-chiếu của Nhâm-tôn là khá hơn hết. Tuy nó cũng có mờ-phông bài di-chiếu của Văn-đế nhà Hán, nhưng mà câu đặt rất cõi, ý nói rất rõ, ông Lê-quý-Đôn và ông Phạm-đinh-Hồ khen văn nhà Lý giống văn nhà Hán, có lẽ chỉ về bài này. Còn hai bài nữa thì lại kém xuống một bậc. Bài thiêng-dò mạch văn rất lôi-thái, bài thiêng-vị lời lẽ rất non-nát, trong cõi-văn của Tàu, không có bài nào như thế.

Nhận những chỗ đó, rồi đây đọc đến văn học đời Trần, chúng ta sẽ thấy một cuộc tiến-bộ rất nhanh-chóng của đời ấy. Bởi vì văn học nhà Trần, so với văn học đời Lý, thật là rực-rỡ gấp trăm phần.

Những sách dùng để kê-cứu trong cuốn này:

- 1 — Đại-Việt sử-ký toàn thư.
- 2 — Khâm-dịnh Việt-sử thông-dám cương mục.
- 3 — Trich-diếm thi-lập.
- 4 — Việt-âm thi-lập.
- 5 — Thiên-uyễn tập anh ngữ-lục.
- 6 — Đại-Việt thông-sử.
- 7 — Khoa-văn tiều-lục.
- 8 — Toàn-Việt thi-lục.
- 9 — Hoàng-Việt thi-tuyên
- 10 — Hoàng-Việt vải-tuyên
- 11 — Vũ-trung tùy-bút.
- 12 — Lịch-trieu biếu-chương.



Cải-chỉnh

Ở trang tư, dưới:

« Cùng một tác-giả » hai cuốn Đường-thi và
Thi-văn bình-chú là của nhà Tân-Dân đã xuất-bản,
lại dề làm là sách đương-ki. Vậy nay cải-chỉnh
cho đúng.